

Bài học ngày 15.6.2020

4. Kinh Sợ Hãi Khiếp Đảm (Bhayabherava Sutta)

Tên kinh được gọi là Kinh Sợ Hãi Khiếp Đảm vì Đức Phật dạy về nỗi sợ hãi của người tu hành trong rừng sâu núi thẳm. Bà la môn Jānussoni bạch với Đức Phật về sự trợ duyên của Ngài đối với chư tỳ kheo tu hành. Cũng nhân dịp này vị Bà la môn nói nên sự khó khăn của những tỳ kheo khi phải sống nơi thanh vắng. Đức Phật xác định cả hai suy tư đó là đúng. Rồi Ngài kể lại kinh nghiệm bản thân sống ở những trú xứ xa vắng trước khi thành đạo. Qua những lời kể này Đức Phật dạy làm thế nào để tạo được lòng tự tin và chế ngự nỗi sợ hãi. Ngài Cũng dạy rằng sống độc cư không dừng ở đó mà còn đi xa hơn là tận dụng nếp sống này để thành tựu thiền định, đạo quả. Ở đoạn cuối Đức Phật cũng cho biết lý do tại sao trong hiện tại mặc dù đã là một bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn Ngài vẫn có thời gian sống độc cư.

017. Sự cảm nhận bắt đầu từ sự cảm thông

Jānussoni là một trong những vị bà la môn danh giá ở thành Sāvathī. Vị này thường diện kiến Đức Phật với những câu hỏi tỷ giáo đạo giáo. Nhiều bài kinh trong Tam Tạng Pāli ghi lại những pháp thoại Đức Thế Tôn giảng cho Jānussoni. Riêng bài kinh này, Kinh Sợ Hãi Khiếp Đảm, ghi lại câu chuyện vị bà la môn này bày tỏ sự cảm thông đối với những khó khăn mà những tu sĩ mới xuất gia gặp phải. Đức Phật xác nhận và dạy về nỗi sợ hãi khi tu tập ở nơi thanh vắng độc cư. Những lời Phật dạy khiến Jānussoni phát tâm quy ngưỡng Tam Bảo:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sāvathī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

-- Tôn giả Gotama, có những Thiện nam tử, vì lòng tin Tôn giả Gotama, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị lãnh đạo. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama giúp ích rất nhiều. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị khích lệ sách tấn. Các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Tôn giả Gotama.

-- Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-môn, có những Thiện nam tử, vì lòng tin nơi Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta là vị lãnh đạo của họ. Ta đã giúp ích rất nhiều cho họ. Ta là vị khích lệ sách tấn cho họ. Và các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Ta.

-- Tôn giả Gotama, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thương thức đời sống độc cư! Con nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

-- Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-môn, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thương thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

018. Kinh nghiệm bản thân của chính Đức Phật

Sợ hãi đúng là phản ứng tự nhiên của tâm lý khi sống trong rừng sâu nhưng, qua lời dạy của Đức Phật, thì không phải là không có cách để vượt thắng tâm trạng này. Nội dung chính của bài kinh đề cập đến yếu tố mang lại lòng tự tin và từ đó có khả năng xua tan nỗi sợ hãi.

[Lòng tự tin đến từ tam nghiệp thanh tịnh]



Kinh Văn

Này Bà-la-môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta nghĩ như sau: "Thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định!"

Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với thân nghiệp thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát thân nghiệp hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào, có khẩu nghiệp không thanh tịnh... (như trên)... có ý nghiệp không thanh tịnh... (như trên)... có mạng sống không thanh tịnh sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước mạng sống không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Mạng sống Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với mạng sống thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

[Lòng tự tin vì không có năm triệu cái]



Kinh Văn

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào tham dục, có ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiệm trước tham dục, có ái dục cường liệt, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tham dục, ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có tham dục, Ta là một trong những bậc Thánh, không có tham dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có tham dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tâm sân hận ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiệm trước, có tâm sân hận ác ý, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận, ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta có từ tâm. Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiệm trước bị hôn trầm thụy miên chi phối, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có hôn trầm thụy miên. Ta là một trong những bậc Thánh không có hôn trầm thụy miên, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có hôn trầm thụy miên như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào dao động, tâm không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiệm trước bị dao động, tâm không an tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có dao động, tâm không phải không an tịnh, sống tại các trú xứ

xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có dao động, tâm được an tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh không có dao động, tâm được an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta được an tịnh như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước nghi hoặc, do dự, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta diệt trừ được do dự. Ta là một trong những bậc Thánh diệt trừ được nghi hoặc, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta diệt trừ được nghi hoặc như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

[Tự tin vì không có những thói tật hạ liệt]



Kinh Văn

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào khen mình, chê người sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước khen mình, chê người, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có khen mình, chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có khen mình, không có chê người, Ta là một trong những bậc Thánh không có khen mình, không có chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta không có khen mình, không có chê người như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào run rẩy, sợ hãi sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước run rẩy, sợ hãi, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có lông tóc dựng ngược, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có lông tóc dựng ngược, Ta là một trong những bậc Thánh, không

có lông tóc dựng ngược như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta là người ít dục. Ta là một trong những bậc Thánh ít dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta là người ít dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta siêng năng, tinh tấn. Ta là một trong những bậc Thánh siêng năng, tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta siêng năng, tinh tấn như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thất niệm, không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thất niệm, không phải không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta an trú niệm. Ta là một trong những bậc Thánh an trú niệm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta quán sát Ta an trú niệm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không định tĩnh, tâm bị tán loạn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta được định tĩnh, tâm không bị tán loạn sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu định tâm. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu định tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-

la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu định tâm như vậy, từ cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiệm trước liệt tuệ, đần độn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu trí tuệ. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu trí tuệ, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu trí tuệ như vậy, từ cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

019. Cách chế ngự sợ hãi của Đức Bồ Tát

Sự tu tập không phải chỉ dừng lại ở khả năng sống ở nơi thanh vắng:



Kinh Văn

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mùng tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta hãy đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối, để Ta có thể thấy sự sợ hãi khiếp đảm ấy". Này Bà-la-môn, sau một thời gian, trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mùng tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược như vậy, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối. Này Bà-la-môn, trong khi ta ở tại các chỗ ấy, một con thú có thể đến, hay một con công làm rơi một cành cây, hay gió làm rung động các lá rơi; Ta khởi lên ý nghĩ: "Nay sự sợ hãi khiếp đảm ấy đã đến!". Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự sợ hãi khiếp đảm chớ không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy".

Này Bà-la-môn trong khi Ta đi kinh hành qua lại mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không đứng, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đi kinh hành qua lại. Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang đứng mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không kinh hành qua lại, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong

khi Ta đang đứng. Nay Bà-la-môn, trong khi Ta đang ngồi mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không nằm, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang ngồi. Nay Bà-la-môn, trong khi Ta đang nằm mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không ngồi, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang nằm.

Nay Bà-la-môn, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-la-môn ấy sống trong si ám. Nay Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ rằng ngày là ngày. Nay Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh sẽ nói như sau: "Vị hữu tình nào không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Vị ấy khi nói một cách chơn chánh về Ta sẽ nói như sau: "Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người".

Nay Bà-la-môn, Ta tinh cần, tinh tấn, không lười biếng. Ta an trú chánh niệm, không có loạn, thân được khinh an, không có dao động, tâm được định tĩnh, chuyên nhất.

Nay Bà-la-môn, Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

Diệt tầm, diệt tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba.

Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ

này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Bà-la-môn, trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt".

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu

biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Này Bà-la-môn trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần.

020. Lý do Đức Thế Tôn vẫn sống ở những trú xứ thanh vắng sau khi thành đạo

Đức Phật vẫn thường sống ở trú xứ thanh vắng sau khi thành đạo chỉ vì lòng thương tưởng cho đàn hậu tấn:



Kinh Văn

Này Bà-la-môn, Ông có thể có tư tưởng như sau: "Nay Sa-môn Gotama chưa diệt trừ tham, chưa diệt trừ sân, chưa diệt trừ si, nên sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, chớ có hiểu như vậy. Do Ta quán sát hai mục đích mà Ta sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Tự thấy sự hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai.

-- Chúng sanh trong tương lai được Tôn giả Gotama thương tưởng, vì Tôn giả là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỷ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 4 [tóm tắt]
Kinh Sợ Hãi Và Khiếp Đảm
(Bhayabherava Sutta)
(M.i, 16)

Tại Sāvattthī, Jetavana, Anāthapiṇḍikārāma, Thế Tôn thuyết pháp cho Bà-la-môn Jāṇussoṇi. Jāṇussoṇi nói rằng thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, rừng núi hoang vu; thật khó khăn đời sống độc cư. Rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng thiên định. Đức Phật xác nhận lời tuyên bố của Jāṇussoṇi là đúng và nói lên những kinh nghiệm và suy tư của đức Phật.

Tỷ-kheo nào sống trong rừng núi hoang vu, rơi vào một trong mười sáu trường hợp này, thì chắc chắn phải sợ hãi khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Thân, khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng sống không thanh tịnh; tham dục, ái dục cường liệt, tâm sân hận ác ý, hôn trầm thụy miên chi phối, dao động, tâm không an tịnh, nghi hoặc do dự, tự tán hủy tha, run rẩy sợ hãi, ham muốn lợi danh, lười biếng không tinh tấn, thất niệm không chú tâm, không định tĩnh, tâm tán loạn, ngu độn si ám. Đức Phật không có mười sáu trường hợp này nên Ngài sống trong rừng núi hoang vu không có sợ hãi, an trú trong các thiện pháp, nên cảm thấy lòng tự tín xác chứng hơn khi sống ở thành thị.

Đức Phật kể lại kinh nghiệm của Ngài đối trị với sợ hãi khi sống trong rừng núi hoang vu. Ngài lựa những đêm thật tối trời, Ngài trú tại chỗ thật hãi hùng, khi nào sợ hãi đến trong bất cứ cử chỉ nào, đi đứng nằm ngồi, Ngài không thay đổi cử chỉ, trong cử chỉ nào mà sợ hãi đến, Ngài giữ nguyên cử chỉ ấy và đối trị với sợ hãi. Ngài cũng không chấp nhận một số Sa-môn, Bà-la-môn, tưởng đêm là ngày, ngày là đêm để đối trị sợ hãi. Ngài cho như vậy là ngu si. Ngài nghĩ đêm là đêm, ngày là ngày. Rồi đức Phật nói đến nếp sống của Ngài và những quả chứng Ngài đạt được. Ngài là vị hữu tình không có si ám, sống vì hạnh phúc cho chúng sanh, tinh tấn, không lười biếng, an trú chánh niệm, tâm không tán loạn, không có dao động, tâm được định tĩnh, trú bốn thiên, canh một chứng được Túc mạng minh, canh giữa chứng được Thiên nhãn minh, canh cuối chứng được Lưu tận minh, đoạn tận các lậu hoặc, chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật khuyến cáo chớ có nghĩ rằng Sa-môn Gotama vì chưa diệt trừ tham, sân, si, nên sống trong rừng núi. Đức Phật xác nhận hai mục đích đức Phật sống trong rừng núi: một là hiện tại lạc trú, hai là vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 4 [dàn ý]
Kinh Sợ Hãi Và Khiếp Đảm
(Bhayabherava Sutta)
(M.i, 16)

A. Duyên khởi

Câu chuyện giữa Sa-môn Gotama với Bà-la-môn Jāṇussoṇi: 2 vấn đề được đề cập. Sa-môn Gotama là bậc lãnh đạo các đệ tử, và đời sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu rất là khó khăn.

B. Chánh kinh:

Sa-môn Gotama nói lên kinh nghiệm của Ngài khi sống trong rừng núi, đối trị với khiếp đảm cho đến khi thành Phật.

I. Ai có 16 tánh bất thiện, không thể sống trong rừng núi mà không khởi lên sợ hãi. Sa-môn không có những đức tánh ấy, nên sống trong rừng núi không có sợ hãi.

II. Phương pháp Sa-môn Gotama dùng để đối trị sợ hãi và hành trì thiền định.

1. Đối trị sợ hãi.

2. Các đức tánh tu tập.

3. Tu thiền.

III. Sa-môn Gotama chứng được 3 minh và thảnh thoảnh vẫn sống trong rừng núi.

C. Kết luận:

Lời tán thán của Bà-la-môn Jāṇussoṇi.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu
-ooOoo-

Kinh số 4 [toát yếu]
Kinh Sợ Hãi Và Khiếp Đảm
(Bhayabherava Sutta)
(M.i, 16)

I. Toát yếu

Bhayabherava Sutta - Fear and dread.

The Buddha describes to a bradhmin the qualities required of a monk who wishes to live alone in the forest. He then relates an account of his own attempts to conquer fear when striving for enlightenment.

Sợ hãi và khiếp đảm

Phật mô tả cho một bà-la-môn biết những đức tính cần thiết mà một tỳ kheo phải hội đủ nếu muốn sống độc cư ở rừng núi. Rồi Ngài kể lại cách Ngài chinh phục sự sợ hãi khi Ngài đang còn nỗ lực để đạt giác ngộ.

II. Tóm tắt

Bà-la-môn Jāṇussoṇi đến thăm Phật trong rừng Kỳ đà và ca tụng Phật đã giúp ích nhiều cho các tỳ kheo, vì quả thực rất khó kham nhẫn đời sống ở rừng núi. Theo ông, rừng núi làm rối loạn tâm trí tỳ kheo nào chưa chứng các thiền. Phật xác nhận lời nói của bà-la-môn, và dạy sở dĩ tỳ kheo khó kham nhẫn đời sống viễn ly ở núi rừng, nổi lên sợ hãi, là vì còn có 16 ô nhiễm:

- không thanh tịnh thân, khẩu, ý, mạng;
- nhiều tham dục, sân hận ác ý, hôn trầm, trạo cử;
- hoài nghi, khen mình chê người, run rẩy sợ hãi, ham lợi;
- lười biếng, thất niệm, tán loạn, ngu đần.

Phật không có những lỗi như trên mà có những đức ngược lại, nên Ngài rất an ổn khi sống ở rừng núi. Phật cho biết lúc còn tu tập, vào những đêm không trăng, Ngài cố đến những nơi nổi tiếng nhiều ma để thử. Mỗi khi cơn sợ hãi nổi lên, Ngài vẫn giữ nguyên tư thế để diệt trừ nỗi sợ trong tâm. Ngài không làm như người ta thường

làm mỗi khi bị khiếp đảm là đổi tư thế (như bỏ chạy), hoặc tưởng tượng đêm là ngày, vì Ngài cho đó là hành động si ám. Ngài là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng nhân loại và chư thiên.

Nhờ chân chính quán sát bản thân không lỗi, Ngài cảm thấy tự tin khi sống ở núi rừng, tinh tấn tu tập chứng bốn thiên và ba minh. Canh một, Ngài chứng Túc mạng trí, nhớ được tất cả đời trước của mình; canh hai chứng Thiên nhãn minh, thấy sự sống chết của tất cả chúng sinh tùy theo hành nghiệp, gọi là Sinh tử trí hay Tùy nghiệp thú trí. Và cuối cùng canh ba Ngài chứng Lưu tận minh, hoàn toàn giải thoát, thành Phật.

Sau khi đạt thành chính giác, Phật vẫn cư trú trong rừng núi vì hai lý do: tự thân Ngài cảm thấy thoải mái, và vì lòng thương tưởng hậu lai (nêu gương).

III. Chú giải

(không có)

IV. Pháp số

Ba nghiệp: [hành động cố ý về] thân, lời, ý.

Ba minh [trí]: túc mạng, sinh tử [còn gọi thiên nhãn minh, hay tùy nghiệp thú trí], lưu tận.

Ba độc: tham, sân, si.

Bốn thiên

Bốn chân lý

Năm triền cái: tham dục, sân, hôn trầm, trạo cử, hoài nghi.

V. Kệ tụng

1. Muốn đắc các thiên chứng
Và đoạn tận vô minh
Cần núi rừng nương ở
Với mười sáu điều kiện:

Thân, khẩu, ý, thanh tịnh
Cách sinh hoạt thanh tịnh,
Không tham, sân, ít ngủ,
Không trạo cử, hoài nghi

Không khen mình chê người,
Không sợ hãi, hám lợi;
Không lười biếng, thất niệm,
Không tán loạn, ngu đần.

2. Phật chân chính quán sát
Bản thân được như trên
Nên Ngài không sợ hãi
Khi độc cư rừng núi.

Nhờ tinh tấn hành thiền
Ngài chứng được ba minh:
Canh một chứng túc mạng
Nhớ hết các đời trước

Đại cương và chi tiết.
Canh hai chứng thiên nhãn
Sống chết và nghiệp báo
Của các hạng chúng sinh

Phật đều thấy tận tường.
Canh ba chứng lậu tận
Liễu tri cả bốn đế
Như tối diệt, sáng sinh.

Sau khi Ngài đắc đạo
Vì thương tưởng hậu lai
Vì hiện tại lạc trú
Phật vẫn ở núi rừng.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

4. Bhayabheravasuttam [Mūla]

34. Evam me sutam : ekam samayam **Bhagavā** sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho jāṇussoṇi brāhmaṇo yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyam katham sārāṇīyam [sārāṇīyam (sī. syā. pī.)] vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho jāṇussoṇi brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca : "yeme, bho gotama, kulaputtā bhavantaṃ gotamaṃ uddissa saddhā agārasmā anagāriyam pabbajitā, bhavaṃ tesam gotamo pubbaṅgamo, bhavaṃ tesam gotamo bahukāro, bhavaṃ tesam gotamo samādapetā [samādāpetā (?)] bho ca pana gotamassa sā janatā diṭṭhānugatiṃ āpajjatīti. "Evametaṃ, brāhmaṇa, evametaṃ, brāhmaṇa! ye te, brāhmaṇa, kulaputtā mamaṃ uddissa saddhā agārasmā anagāriyam pabbajitā, ahaṃ tesam pubbaṅgamo, ahaṃ tesam bahukāro, ahaṃ tesam samādapetā mama ca pana sā janatā diṭṭhānugatiṃ āpajjatīti. "Durabhisambhavāni hi kho, bho gotama, araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni, dukkaraṃ pavivekaṃ, durabhiramaṃ ekatte, haranti mañṇe mano vanāni samādhiṃ alabhamānassa bhikkhunoti . "Evametaṃ, brāhmaṇa, evametaṃ, brāhmaṇa! durabhisambhavāni hi kho, brāhmaṇa, araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni, dukkaraṃ pavivekaṃ, durabhiramaṃ ekatte, haranti mañṇe mano vanāni samādhiṃ alabhamānassa bhikkhunoti.

35. "Mayhampi kho, brāhmaṇa, pubbeva sambodhā anabhisambuddhassa bodhisattasseva sato etadahosi : 'durabhisambhavāni hi kho araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni, dukkaraṃ pavivekaṃ, durabhiramaṃ ekatte, haranti mañṇe mano vanāni samādhiṃ alabhamānassa bhikkhunoti. Tassa mayhaṃ brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā aparisuddhakāyakammantā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, aparisuddhakāyakammantasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ aparisuddhakāyakammanto araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi parisuddhakāyakammantohamasmi. Ye hi vo ariyā parisuddhakāyakammantā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aññataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, parisuddhakāyakammataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṇṇe vihārāya.

36. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā aparisuddhavaṅkammantā - pe - aparisuddhamanokammantā - pe - aparisuddhājīvā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, aparisuddhājīvasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho

panāhaṃ aparisuddhājīvo araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi parisuddhājīvoḥamasmi. Ye hi vo ariyā parisuddhājīvā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, parisuddhājīvataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

37. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā abhijjhālū kāmesu tibbasārāgā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, abhijjhālūkāmesutibbasārāgasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ abhijjhālu kāmesu tibbasārāgo araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi anabhijjhālūḥamasmi. Ye hi vo ariyā anabhijjhālū araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti , tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, anabhijjhālutaṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

38. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā byāpannacittā paduṭṭhamanasaṅkappā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, byāpannacittapaduṭṭhamanasaṅkappasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ byāpannacitto paduṭṭhamanasaṅkappo araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi mettacittoḥamasmi. Ye hi vo ariyā mettacittā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, mettacittataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

39. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā thīnamiddhapariyuṭṭhitā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, thīnamiddhapariyuṭṭhānasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ thīnamiddhapariyuṭṭhito araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi vigatathīnamiddhoḥamasmi. Ye hi vo ariyā vigatathīnamiddhā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, vigatathīnamiddhataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

40. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā uddhatā avūpasantacittā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, uddhataavūpasantacittasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ uddhato avūpasantacitto araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi vūpasantacittoḥamasmi. Ye hi vo ariyā vūpasantacittā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, vūpasantacittataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

41. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā kaṅkhī vicikicchī araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, kaṅkhivicikicchisandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ kaṅkhī vicikicchī araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi tiṇṇavicikicchohamasmi. Ye hi vo ariyā tiṇṇavicikicchā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, tiṇṇavicikicchataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

42. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā attukkamsakā paravambhī araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, attukkamsanaparavambhanasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti . Na kho panāhaṃ attukkamsako paravambhī araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi anattukkamsako aparavambhīhamasmi. Ye hi vo ariyā anattukkamsakā aparavambhī araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, anattukkamsakataṃ aparavambhitāṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

43. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā chambhī bhīrukajātikā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, chambhibhīrukajātikasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ chambhī bhīrukajātikā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi vigatalomahaṃsohamasmi. Ye hi vo ariyā vigatalomahaṃsā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, vigatalomahaṃsataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

44. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā lābhasakkārasilokaṃ nikāmayamānā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, lābhasakkārasilokanikāmana [nikāmayamāna (sī. syā.)] sandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ lābhasakkārasilokaṃ nikāmayamāno araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi appicchohamasmi. Ye hi vo ariyā appicchā araṅṅavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aṅṅataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, appicchataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṅṅe vihārāya.

45. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā kusītā hīnavīriyā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti , kusītaḥīnavīriyasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ kusīto hīnavīriyo araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi āradhāvīriyohamasmi. Ye hi vo ariyā āradhāvīriyā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aññataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, āradhāvīriyataṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṇṇe vihārāya.

46. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā muṭṭhassatī asampajānā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, muṭṭhassatiasampajānasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ muṭṭhassatī asampajāno araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi upaṭṭhitassatīhamasmi. Ye hi vo ariyā upaṭṭhitassatī araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aññataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, upaṭṭhitassatitaṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṇṇe vihārāya.

47. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā asamāhitā vibbhantacittā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, asamāhitavibbhantacittasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ asamāhito vibbhantacitto araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi samādhisampannohamasmi. Ye hi vo ariyā samādhisampannā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aññataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, samādhisampadaṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṇṇe vihārāya.

48. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vā duppaññā eḷamūgā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti, duppaññaḷamūgasandosahetu have te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti. Na kho panāhaṃ duppañño eḷamūgo araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi paññāsampannohamasmi. Ye hi vo ariyā paññāsampannā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevanti tesamahaṃ aññataroti. Etamahaṃ, brāhmaṇa, paññāsampadaṃ attani sampassamāno bhiyyo pallomamāpādiṃ araṇṇe vihārāya. Soḷasapariyāyaṃ niṭṭhitaṃ.

49. "Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'yaṃnūnāhaṃ yā tā rattiyō abhiññātā abhilakkhitā : cātuddasī pañcadasī aṭṭhamī ca pakkhassa : tathārūpāsu rattīsu yāni tāni āramacetiyāni vanacetiyāni rukkhacetiyāni bhīmsanakāni salomahaṃsāni

tathārūpesu senāsanesu vihareyyaṃ appeva nāmāhaṃ bhayabheravaṃ passeyyanti. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, aparena samayena yā tā rattiyō abhiññātā abhilakkhitā : cātuddasī pañcadasī aṭṭhamī ca pakkhassa : tathārūpāsu rattīsu yāni tāni ārāmacetiyaṇi vanacetiyaṇi rukkhacetiyaṇi bhiṃsanakāni salomahaṃsāni tathārūpesu senāsanesu viharāmi. Tattha ca me, brāhmaṇa, viharato mago vā āgacchati, moro vā kaṭṭhaṃ pāṭeti, vāto vā paṇṇakasaṭaṃ [paṇṇasaṭaṃ (sī. pī.)] ereti tassa mayhaṃ brāhmaṇa etadahosi [tassa mayhaṃ evaṃ hoti (sī. syā.)] : 'etaṃ nūna taṃ bhayabheravaṃ āgacchatīti. Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, etadahosi : 'kiṃ nu kho ahaṃ aññadatthu bhayapaṭikaṅkhī [bhayapāṭikaṅkhī (sī.)] viharāmi? yaṃnūnāhaṃ yathābhūtaṃ yathābhūtassa [yathābhūtassa yathābhūtassa (sī. syā.)] me taṃ bhayabheravaṃ āgacchati, tathābhūtaṃ tathābhūtova [yathābhūto yathābhūtova (sī. syā.)] taṃ bhayabheravaṃ paṭivineyyanti. Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, caṅkamantassa taṃ bhayabheravaṃ āgacchati. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, neva tāva tiṭṭhāmi na nisīdāmi na nipajjāmi, yāva caṅkamantova taṃ bhayabheravaṃ paṭivinemi. Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, ṭhitassa taṃ bhayabheravaṃ āgacchati. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, neva tāva caṅkamāmi na nisīdāmi na nipajjāmi. Yāva ṭhitova taṃ bhayabheravaṃ paṭivinemi. Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, nisinnassa taṃ bhayabheravaṃ āgacchati. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, neva tāva nipajjāmi na tiṭṭhāmi na caṅkamāmi, yāva nisinnova taṃ bhayabheravaṃ paṭivinemi. Tassa mayhaṃ, brāhmaṇa, nipannassa taṃ bhayabheravaṃ āgacchati. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, neva tāva nisīdāmi na tiṭṭhāmi na caṅkamāmi, yāva nipannova taṃ bhayabheravaṃ paṭivinemi.

50. "Santi kho pana, brāhmaṇa, eke samaṇabrāhmaṇā rattimyeva samānaṃ divāti sañjānanti, divāyeva samānaṃ rattīti sañjānanti. Idamaṃ tesam samaṇabrāhmaṇānaṃ sammohavihārasmiṃ vadāmi. Ahaṃ kho pana, brāhmaṇa, rattimyeva samānaṃ rattīti sañjānāmi, divāyeva samānaṃ divāti sañjānāmi. Yaṃ kho taṃ, brāhmaṇa, sammā vadamāno vadeyya : 'asammohadhammo satto loke uppanno bahujaṇahitāya bahujaṇasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānanti, mameva taṃ sammā vadamāno vadeyya : 'asammohadhammo satto loke uppanno bahujaṇahitāya bahujaṇasukhāya lokānukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānanti.

51. "Āraddhaṃ kho pana me, brāhmaṇa, vīriyaṃ ahosi asallīnaṃ, upaṭṭhitā sati asammuttā [appammuttā (syā.)], passaddho kāyo asāraddho, samāhitaṃ cittaṃ ekaggaṃ. So kho ahaṃ, brāhmaṇa, vivicca kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ savicāraṃ vivekajāṃ pītisukhaṃ paṭhamaṃ jhānaṃ upasampajja vihāsim. Vitakkavicārānaṃ vūpasamā ajjhataṃ sampasādanaṃ cetaso ekodibhāvaṃ avitakkaṃ avicāraṃ samādhijaṃ pītisukhaṃ dutiyaṃ jhānaṃ upasampajja vihāsim. Pītiyā ca virāgā upekkhako ca vihāsim, sato ca sampajāno

sukhañca kāyena paṭisaṃvedesiṃ yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti : 'upekkhako satimā sukhavihārīti tatiyaṃ jhānaṃ upasampajja vihāsiṃ. Sukhassa ca pahānā dukkhassa ca pahānā pubbeva somanassadomanassānaṃ atthaṅgamā adukkhamasukhaṃ upekkhāsatipārisuddhiṃ catutthaṃ jhānaṃ upasampajja vihāsiṃ.

52. "So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye t̥hite āneñjappatte pubbenivāsānussatiñāṇāya cittam abhininnāmesim. So anekavihitam pubbenivāsam anussarāmi, seyyathidaṃ : ekampi jātiṃ dvepi jātiyo tissopi jātiyo catassopi jātiyo pañcapi jātiyo dasapi jātiyo vīsampi jātiyo tiṃsampi jātiyo cattālīsampi jātiyo paññāsampi jātiyo jātisatampi jātisahassampi jātisatasahassampi anekepi saṃvaṭṭakappe anekepi vivaṭṭakappe anekepi saṃvaṭṭavivaṭṭakappe : 'amutrāsīm evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evamāhāro evaṃsukhadukkhattapaṭisaṃvedī evamāyupariyanto, so tato cuto amutra udapādim tatrāpāsīm evaṃnāmo evaṃgotto evaṃvaṇṇo evamāhāro evaṃsukhadukkhattapaṭisaṃvedī evamāyupariyanto, so tato cuto idhūpapannoti. Iti sākāraṃ sauddesaṃ anekavihitam pubbenivāsam anussarāmi. Ayaṃ kho me, brāhmaṇa, rattiyā paṭhame yāme paṭhamā vijjā adhigatā, avijjā vihatā vijjā uppannā, tamo vihato āloko uppanno, yathā taṃ appamattassa ātāpino pahitattassa viharato.

53. "So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye t̥hite āneñjappatte sattānaṃ cutūpapātañāṇāya cittam abhininnāmesim. So dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passāmi cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāmi : 'ime vata bhonto sattā kāyaduccaritena samannāgatā vacīduccaritena samannāgatā manoduccaritena samannāgatā ariyānaṃ upavādakā micchādiṭṭhikā micchādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapannā. Ime vā pana bhonto sattā kāyasucaritena samannāgatā vacīsucaritena samannāgatā manosucaritena samannāgatā ariyānaṃ anupavādakā sammādiṭṭhikā sammādiṭṭhikammasamādānā te kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggam lokam upapannāti. Iti dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena satte passāmi cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe sugate duggate yathākammūpage satte pajānāmi. Ayaṃ kho me, brāhmaṇa, rattiyā majjhime yāme dutiyā vijjā adhigatā, avijjā vihatā vijjā uppannā, tamo vihato āloko uppanno, yathā taṃ appamattassa ātāpino pahitattassa viharato.

54. "So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye t̥hite āneñjappatte āsavānaṃ khayañāṇāya cittam abhininnāmesim. So 'idaṃ dukkhanti yathābhūtaṃ abbhaññāsim, 'ayaṃ dukkhasamudayoti yathābhūtaṃ abbhaññāsim, 'ayaṃ dukkhanirodhoti yathābhūtaṃ

abbhaññāsīm, 'ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadāti yathābhūtaṃ abbhaññāsīm. 'Ime āsavāti yathābhūtaṃ abbhaññāsīm, 'ayaṃ āsavaśamudayoti yathābhūtaṃ abbhaññāsīm, 'ayaṃ āsavanirodhoti yathābhūtaṃ abbhaññāsīm, 'ayaṃ āsavanirodhagāminī paṭipadāti yathābhūtaṃ abbhaññāsīm. Tassa me evaṃ jānato evaṃ passato kāmāsavāpi cittaṃ vimuccittha, bhavāsavāpi cittaṃ vimuccittha, avijjāsavāpi cittaṃ vimuccittha. Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇaṃ ahosi. 'Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇīyaṃ, nāparaṃ itthattāyāti abbhaññāsīm. Ayaṃ kho me, brāhmaṇa, rattiyā pacchime yāme tatiyā vijjā adhigatā, avijjā vihatā vijjā uppannā, tamo vihato āloko uppanno, yathā taṃ appamattassa ātāpīno pahitattassa viharato.

55. "Siyā kho pana te, brāhmaṇa, evamassa : 'ajjāpi nūna samaṇo gotamo avītarāgo avītadoso avītamoho, tasmā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevatīti. Na kho panetaṃ, brāhmaṇa, evaṃ daṭṭhabbaṃ. Dve kho ahaṃ, brāhmaṇa, atthavase sampassamāno araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni paṭisevāmi : attano ca diṭṭhadhammasukhavihāraṃ sampassamāno, pacchimañca janataṃ anukampamānoti.

56. "Anukampitarūpā vatāyaṃ bhotā gotamena pacchimā janatā , yathā taṃ arahatā sammāsambuddhena. Abhikkantaṃ, bho gotama! abhikkantaṃ, bho gotama! seyyathāpi, bho gotama, nikkujjitaṃ vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūlhasa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya : 'cakkhumanto rūpāni dakkhantīti evamevaṃ bhotā gotamena anekapariyāyena dhammo pakāsito. Esāhaṃ bhavantaṃ gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammañca bhikkhusaṅghaṇca. Upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge paṇupetaṃ saraṇaṃ gatanti.

Bhayabheravasuttaṃ niṭṭhitaṃ catutthaṃ.

4. Bhayabheravasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

34. **Evaṃ me sutanti** bhayabheravasuttaṃ. Tatrāyaṃ apubbapadavaṇṇanā – **athāti** avicchedanatthe nipāto. **Khoti** avadhāraṇatthe, bhagavato sāvatthiyaṃ vihāre avicchinneyevāti vuttaṃ hoti. **Jānussonīti** netam tassa mātāpitūhi katanāmaṃ, apica kho ṭhānantarapaṭilābhaladdhaṃ. Jānussoniṭṭhānaṃ kira nāmetaṃ purohitatṭhānaṃ, taṃ tassa rañṇā dinnam, tasmā “jānussonī”ti vuccati. Brahmaṃ aṇatīti **brāhmaṇo**, mante sajjhāyatīti attho. Idameva hi jātibrahmaṇānaṃ niruttivacanaṃ. Ariyā pana bāhitapāpattā **brāhmaṇāti** vuccanti.

Yena bhagavā tenupasaṅkamīti yenāti bhummatthe karaṇavacanaṃ, tasmā yattha bhagavā, tattha upasaṅkamīti evamettha attho daṭṭhabbo. Yena vā kāraṇena bhagavā devamanussehi upasaṅkamitabbo, tena kāraṇena upasaṅkamīti evamettha attho daṭṭhabbo. Kena ca kāraṇena bhagavā upasaṅkamitabbo? Nānappakāraguṇavisesādhigamādhippāyena, sādupalūpabhogādhippāyena dijagaṇehi niccaphalitamahārukkho viya.

Upasaṅkamīti ca gatoti vuttaṃ hoti. **Upasaṅkamitvāti** upasaṅkamanapariyosānadīpanaṃ. Atha vā evaṃ gato tato āsannataraṃ tḥānaṃ bhagavato samīpasaṅkhātaṃ gantvātipi vuttaṃ hoti. **Bhagavatā saddhiṃ sammodīti** yathā khamanīyādīni pucchanto bhagavā tena, evaṃ sopi bhagavatā saddhiṃ samappavattamodo ahosi, sītodakaṃ viya uṇhodakena sammoditaṃ ekībhāvaṃ agamāsi. Yāya ca “kacci te, bho gotama, khamanīyaṃ, kacci yāpanīyaṃ, kacci bhoto gotamassa gotamasāvakaṇaṇca appābādhaṃ appātaṅkaṃ lahuṭṭhānaṃ balaṃ phāsuvihāro” tiādikāya kathāya sammodi, taṃ pītipāmojjasaṅkhātasammodajananato sammodituṃ yuttabhāvato ca **sammodanīyaṃ**, atthabyañjanamadhuratāya sucirampi kālaṃ sāretuṃ nirantaraṃ pavattetuṃ araharūpato saritabbabhāvato ca **sāraṇīyaṃ**. Suyyamānasukhato ca sammodanīyaṃ, anussariyamānasukhato ca sāraṇīyaṃ. Tathā byañjanaparissuddhatāya sammodanīyaṃ, atthaparissuddhatāya sāraṇīyanti evaṃ anekehi pariyāyehi sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā pariyosāpetvā nitṭhāpetvā yenatthena āgato, taṃ pucchitukāmo ekamantaṃ nisīdi.

Ekamantanti bhāvanapuṃsakaniddeso, “visamaṃ candimasūriyā parivattantī” tiādīsu (a. ni. 4.70) viya. Tasmā yathā nisinno ekamantaṃ nisinno hoti, tathā nisīdīti evamettha attho daṭṭhabbo. Bhummatthe vā etaṃ upayogavacanaṃ. **Nisīdīti** upāvisi. Paṇḍitā hi purisā garuṭṭhāniyaṃ upasaṅkamitvā āsanakusalatāya ekamantaṃ nisīdanti, ayaṇca nesamaññataro, tasmā ekamantaṃ nisīdi.

Kathaṃ nisinno pana ekamantaṃ nisinno hotīti. Cha nisajjadose vajjetvā. Seyyathidaṃ, atidūraṃ accāsannaṃ uparivātaṃ unnatapadesaṃ atisammukhaṃ atipacchāti. Atidūre nisinno hi sace kathetukāmo hoti, uccāsaddena kathetabbaṃ hoti. Accāsanne nisinno saṅghaṭṭanaṃ karoti. Uparivāte nisinno sarīragandhena bādhati. Unnatappadese nisinno agāraṃ pakāseti. Atisammukhā nisinno sace daṭṭhukāmo hoti, cakkhunā cakkhuṃ āhacca daṭṭhabbaṃ hoti. Atipacchā nisinno sace daṭṭhukāmo hoti, gīvaṃ pasāretvā daṭṭhabbaṃ hoti. Tasmā ayampi ete cha nisajjadose vajjetvā nisīdi, tena vuttaṃ “ekamantaṃ nisīdi” ti.

Yemeti ye ime. **Kulaputtāti** duvidhā kulaputtā jātikulaputtā ācārakulaputtā. Tattha “tena kho pana samayena ratṭhapālo nāma kulaputto tasmimyeva thullakoṭṭhike aggakulassa putto” ti (ma. ni. 2.294) evaṃ āgatā uccākulappasutā

jātikulaputtā nāma. “Ye te kulaputtā saddhā agāasmā anagāriyaṃ pabbajitā”ti (ma. ni. 3.78) evaṃ āgatā pana yattha katthaci kule pasutāpi ācārasampannā **ācārakulaputtā** nāma. Idha pana dvīhipi kāraṇehi kulaputtāyeva.

Saddhāti saddhāya. **Agāasmāti** agārato. **Anagāriyanti** pabbajjaṃ bhikkhubhāvañca. Pabbajjāpi hi natthettha agāriyanti **anagāriyā**, agārassa hitaṃ kasigorakkhādikammametta natthīti attho. Bhikkhupi natthetassa agāranti anagāro, anagārassa bhāvo anagāriyaṃ. **Pabbajitāti** upagatā, evaṃ sabbathāpi anagāriyasañkhātāṃ pabbajjaṃ bhikkhubhāvaṃ vā upagatāti vuttaṃ hoti. **Pubbaṅgamoti** purato gāmī nāyako. **Bahukāro**ti hitakiriyaṃ bahūpakāro. **Bhavaṃ tesam gotamo samādapetāti** te kulaputte bhavaṃ gotamo adhisīlādīni gāhetā sikkhāpetā. **Sā janatāti** so janasaṃmūho. **Diṭṭhānugatim āpajjatīti** dassanānugatim paṭipajjati, yandiṭṭhiko bhavaṃ gotamo yaṃkhantiko yaṃruciko, tepi tandiṭṭhikā honti taṃkhantikā taṃrucikāti attho.

Kasmā paṇāyaṃ evamāhāti? Esa kira pubbe aneke kulaputte agāramajjhe vasante devaputte viya pañcahi kāmaguṇehi paricāriyamāne anto ca bahi ca susaṃvihitārakkhe disvā, te aparena samayena bhagavato madhurarasam dhammadesanaṃ sutvā saddhāya gharā nikkhamma pabbajitvā ghāsacchādanaparamatāya santuṭṭhe āraññakesu senāsanesu kenaci arakkhiyamānepi anussaṅkitāparisaṅkate haṭṭhapahaṭṭhe udaggudagge addasa, disvā ca imesaṃ kulaputtānaṃ “ayaṃ phāsuvihāro kaṃ nissāya uppanno”ti cintento “samaṇaṃ gotama”nti bhagavati pasādaṃ alattha. So taṃ pasādaṃ nivedetum bhagavato santikaṃ āgato, tasmā evamāha.

Athassa bhagavā taṃ vacanaṃ sampaṭicchanto abbhanumodanto ca **evametaṃ brāhmaṇāti**ādīmāha. Vacanasampaṭicchanaṃ modanattahoyeva hi ettha ayaṃ **evanti** nipāto. **Mamaṃ uddissāti** maṃ uddissa. **Saddhāti** saddhāyeva. Na iṇaṭṭhā na bhayaṭṭātiādīni sandhāyāha. Īdisānaṃyeva hi bhagavā pubbaṅgamo, na itaresaṃ. **Durabhisambhavāni hīti** sambhavitum dukkhāni dussahāni, na sakkā appesakkhehi ajjhogāhitunti vuttaṃ hoti. **Araññavanapatthānīti** araññāni ca vanapatthāni ca. Tattha kiñcāpi abhidhamme nipariyāyena, “nikkhamitvā bahi indakhilā sabbametaṃ arañña”nti vuttaṃ, tathāpi yantaṃ “pañcadhanusatikaṃ pacchima”nti āraññikaṅganipphādakaṃ senāsaṇaṃ vuttaṃ, tadeva adhippetanti veditabbaṃ.

Vanapatthanti gāmantāṃ atikkamitvā manussaṇaṃ anupacāraṭṭhānaṃ, yattha na kaṣīyati na vapīyati. Vuttampi cetāṃ “vanapatthanti dūrānametaṃ senāsaṇaṃ adhvānaṃ, vanapatthanti vanasaṅḍānametaṃ senāsaṇaṃ, vanapatthanti bhimsanakānametaṃ, vanapatthanti salomahaṃsānametaṃ, vanapatthanti pariyaṇṭānametaṃ, vanapatthanti na manussūpacārānametaṃ senāsaṇaṃ

adhivacana’’nti. Ettha ca **pariyantānanti** imamekaṃ pariyāyaṃ t̥hapetvā sesapariyāyehi vanapatthāni veditabbāni. **Pantānīti** pariyantāni atidūrāni. **Dukkaraṃ pavivekanti** kāyavivekaṃ dukkaraṃ. **Durabhiramanti** abhiramituṃ na sukhaṃ. **Ekatteti** ekābhāve. Kiṃ dasseti? Kāyaviveke katepi tattha cittaṃ abhiramāpetuṃ dukkaraṃ. Dvayaṃdvayārāmo hi ayaṃ lokoti. Haranti **maññeti** haranti viya ghasanti viya. **Manoti** manaṃ. **Samādhiṃ alabhamānassāti** upacārasamādhiṃ vā appanāsamādhiṃ vā alabhantassa. Kiṃ dasseti? Īdisassa bhikkhuno tiṇapaṇṇamigādisaddehi vividhehi ca bhimsanakehi vanāni cittaṃ vikkhipanti maññeti, sabbaṃ brāhmaṇo saddhāpabbajitānaṃ kulaputtānaṃ araṇṇavāse (vibha. 529) vimhito āha.

Kāyakammantavāraḥkathā

35. Athassa bhagavā purimanayeneva “evametaṃ brāhmaṇā’’tiādīhi taṃ taṃ vacanaṃ sampaṭicchitvā abbhanumoditvā ca yasmā soḷasasu t̥hānesu ārammaṇapariggaharahitānaṃyeva tādīsāni senāsanāni durabhisambhavāni, na tesu ārammaṇapariggāhayuttānaṃ, attanā ca bodhisatto samāno tādiso ahosi, tasmā attano tādīsānaṃ senāsanānaṃ durabhisambhavataṃ dassetuṃ, **mayhampi khoti**ādīmāha.

Tattha **pubbeva sambodhāti** sambodhato pubbeva, ariyamaggappattito aparabhāgeyevāti vuttaṃ hoti. **Anabhisambuddhassāti** appaṭividdhacatusaccassa. **Bodhisattasseva satoti** bujjanakasattasseva sammāsambodhiṃ adhigantuṃ arahasattasseva sato, bodhiyā vā sattasseva laggasseva sato. Dīpaṅkarassa hi bhagavato pādāmūle aṭṭhadhammasamodhānena abhinīhārasamiddhito pabhuti tathāgato bodhiyā satto laggo “pattabbā mayā esā’’ti tadadhigamāya parakkamaṃ amuñcantoyeva āgato, tasmā **bodhisattoti** vuccati. **Tassa mayhanti** tassa evaṃ bodhisattasseva sato mayhaṃ. **Ye kho keci samaṇā vā brāhmaṇā vāti** ye keci pabbajjūpagatā vā bhovādino vā.

Aparisuddhakāyakammantāti aparisuddhena pāṇātipātādīnā kāyakammantena samannāgatā. **Aparisuddhakāyakammantasandosahetūti** aparisuddhassa kāyakammantasāṅkhātassa attano dosassa hetu, aparisuddhakāyakammantakāraṇāti vuttaṃ hoti. **Haveti** ekaṃsavacane nipāto. **Akusalanti** sāvajjaṃ akkhemaṅca. **Bhayabheravanti** bhayaṅca bheravaṅca. Cittutrāsassa ca bhayānakārammaṇassa cetāṃ adhivacanaṃ. Tatra **bhayaṃ** sāvajjaṭṭhena akusalaṃ, **bheravaṃ** akkhematṭhenāti veditabbaṃ. **Avhāyantīti** pakkosanti. Kathaṃ? Te hi pāṇātipātādīni katvā “mayāṃ ayuttamakamhā, sace no te jāneyyūṃ, yesaṃ aparajjhimhā, idāni anubandhitvā anayabyasanaṃ āpādeyyu’’nti araṇṇaṃ pavisitvā gacchantare vā gumbantare vā nisīdanti. Te

“appamattakampi tiṇasaddaṃ vā paṇṇasaddaṃ vā sutvā, idānimhā naṭṭhā”ti tasanti vittasanti, āgantvā parehi parivāritā viya baddhā vadhitā viya ca honti. Evaṃ taṃ bhayabheravaṃ attani samāropanaṭṭhena avhāyanti pakkosanti.

Na kho panāhaṃ...pe... paṭisevāmīti ahaṃ kho pana aparisuddhakāyakammanto hutvā araṇṇavanapatthāni pantāni senāsanāni na paṭisevāmi. **Ye hi voti** ettha **voti** nipātamattaṃ. **Ariyā** vuccanti buddhā ca buddhasāvaka ca. **Parisuddhakāyakammantāti** īdisā hutvā. **Tesamahaṃ aṇṇataroti** tesam ahaṃ eko aṇṇataro. Bodhisatto hi gahaṭṭhopi pabbajitopi parisuddhakāyakammantova hoti. **Bhiyyoti** atirekatthe nipāto. **Pallomanti** pannalomataṃ, khemaṃ sotthibhāvanti attho. **Āpādinti** āpajjim, atirekaṃ sotthibhāvaṃ atirekena vā sotthibhāvamāpajjinti vuttaṃ hoti. **Araṇṇe vihārayāti** araṇṇe vihāratthāya.

Kāyakammantavārakathā niṭṭhitā.

Vacīkammantavārādivaṇṇanā

36. Esa nayo sabbattha. Ayaṃ pana viseso, vacīkammantavāre tāva **aparisuddhavacīkammantāti** aparisuddhena musāvādādinā vacīkammantena samannāgatā. Te kathaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti? Te musāvādena parassa atthaṃ bhañjivā, piṣuṇavācāya mittabhedam katvā pharusavācāya paresam parisamajjhe mammāni tudivā niraṭṭhakavācāya parasattānaṃ kammante nāsetvā “mayam ayuttamakamhā, sace no te jāneyyum, yesam aparajjhimhā, idāni anubandhitvā anayabyasanaṃ pāpeyyu”nti araṇṇam pavisitvā gacchantare vā gumbantare vā nisīdanti. Te “appamattakampi tiṇasaddaṃ vā paṇṇasaddaṃ vā sutvā idānimhā naṭṭhā”ti tasanti vittasanti āgantvā parehi parivāritā viya baddhā vadhitā viya ca honti. Evaṃ taṃ bhayabheravaṃ attani samāropanaṭṭhena avhāyanti, pakkosanti.

Manokammantavāre **aparisuddhamanokammantāti** aparisuddhena abhijjhādinā manokammantena samannāgatā. Te kathaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti? Te paresam rakkhitaḡopitesu bhaṇḡesu abhijjhāvisamalobham uppādetvā parassa kujjhitvā parasatte micchādassanaṃ gāhāpetvā mayam ayuttamakamhā...pe... attani samāropanaṭṭhena avhāyanti pakkosanti.

Ājīvavāre **aparisuddhājīvāti** aparisuddhena vejjakammadūtakammavaḡḡhipayogādinā ekavīsātiesanabhedena ājīvena samannāgatā. Te kathaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti? Te evam jīvikam kappetvā suṇanti – “sāsanasodhakā kira tepiṭakā bhikkhū sāsanaṃ sodhetum nikkhantā, ajja vā sve vā idhāgamiṣanti”ti araṇṇam pavisitvā gacchantare vā...pe... tasanti

vittasanti. Te hi āgantvā parivāretvā gahitā viya odātavatthanivāsītā viya ca hontīti. Sesam tādīsameva.

37. Ito param **abhijjhālūti**ādīsu kiñcāpi abhijjhābyāpādā manokammantena saṅgahitā tathāpi nīvaraṇavasena puna vuttāti veditabbā. Tattha **abhijjhālūti** parabhaṇḍādiabhijjhāyanasīlā. **Kāmesu tibbasārāgāti** vatthukāmesu bahalakilesarāgā, te katham bhayabheravaṃ avhāyanti? Te avavatthitārammaṇā honti, tesam avavatthitārammaṇānaṃ araññe viharantānaṃ divā dittham rattim bhayabheravaṃ hutvā upatthāti – “te ākulacittā appamattakenapi tasanti vittasanti, rajjuṃ vā lataṃ vā disvā sappasaññino honti, khāṇuṃ disvā yakkhasaññino, thalaṃ vā pabbataṃ vā disvā hatthisaññino sappādīhi anayabyasanaṃ āpādītā viya hontī”ti. Sesam tādīsameva.

38. **Byāpannacittāti** pakatibhāvavijahanena vipannacittā. Kilesānugatañhi cittaṃ pakatibhāvaṃ vijahati, purāṇabhattabyañjanaṃ viya pūtikaṃ hoti. **Paduṭṭhamanasaṅkappāti** paduṭṭhacittasaṅkappā, abhadrakena paresam anattahajanakena cittasaṅkappena samannāgatāti vuttaṃ hoti. Te katham bhayabheravaṃ avhāyanti? Bhayabheravāvahāyanaṃ ito pabhuti abhijjhālūvāre vuttanayeneva veditabbaṃ. Yattha pana viseso bhavissati, tattha vakkhāma. **Na kho panāhaṃ byāpannacittoti** ettha pana mettacitto ahaṃ hitacittoti dasseti, īdisā hi bodhisattā honti. Evaṃ sabbattha vuttadosapaṭipakkhavasena bodhisattassa guṇā vaṇṇetabbā.

39. **Thinamidhāpariyuṭṭhitāti** cittagelaññabhūtena thinena sesanāmakāyagelaññabhūtena middhena ca pariyuṭṭhitā, abhibhūtā gahitāti vuttaṃ hoti. Te niddābahulā honti.

40. **Uddhatāti** uddhaccapakatikā vipphandamānacittā, uddhaccena hi ekārammaṇe cittaṃ vipphandati dhajayaṭṭhiyaṃ vātena paṭākā viya. **Avūpasantacittāti** anibbutacittā, idha kukkucçaṃ gahetuṃ vaṭṭati.

41. **Kaṅkhī vicikicchīti** ettha ekamevidaṃ pañcamaṃ nīvaraṇaṃ. Kiṃ nu kho idanti ārammaṇaṃ kaṅkhanato kaṅkhā, idamevidanti nicchetuṃ asamatthabhāvato vicikicchāti vuccati, tena samannāgatā samaṇabrāhmaṇā “kaṅkhī vicikicchī”ti vuttā.

42. **Attukkaṃsanakā paravambhīti** ye attānaṃ ukkaṃsenti ukkhipanti, ucce ṭhāne ṭhapenti, parañca vambhenti garahanti nindanti, nīce ṭhāne ṭhapenti, tesametam adhivacanaṃ. Te katham bhayabheravaṃ avhāyanti? Te parehi “asuko ca kira asuko ca attānaṃ ukkaṃsenti, amhe garahanti, dāse viya karonti, gaṇhatha

ne’’ti anubaddhā palāyitvā araññaṃ pavisitvā gacchantare vā gumbantare vāti kāyakammantasadisam vitthāretabbaṃ.

43. Chambhīti kāyathambhanalomahaṃsanakarena thambhena samannāgatā. **Bhīrukajātikāti** bhīrukapakatikā, gāmadārakā viya bhayabahulā asūrā kātārāti vuttaṃ hoti.

44. Lābhasakkārasilokanti ettha labbhatīti **lābho**, catunnaṃ paccayānametaṃ adhivacanaṃ. **Sakkāro**ti sundarakāro, paccayā eva hi paṇītapapaṇītaṃ sundarasundarā ca abhisankharitvā katā sakkārāti vuccanti. Yā ca parehi attano gāravakiriya pupphādīhi vā pūjā. **Silokoti** vaṇṇabhaṇanaṃ etaṃ, lābhañca sakkārañca silokañca **lābhasakkārasilokaṃ**. **Nikāmayamānāti** patthayamānā. Bhayabheravāvahāyanaṃ abhijjhāluvārasadisameva. Tadatthadīpakaṃ panettha piyagāmikavatthum kathenti

—

Eko kira piyagāmiko nāma bhikkhu samādinnaḍḍhutaṅgānaṃ bhikkhūnaṃ lābhaṃ disvā “ahampi dhutaṅgaṃ samādiyitvā lābhaṃ uppādemī’’ti cintetvā sosānikaṅgaṃ samādaya susāne vasati. Atheskadivasam eko kammamutto jaraggavo divā gocare caritvā rattim tasmim susāne pupphagumbe sīsam katvā romanthayamāno atthāsi. Piyagāmiko rattim caṅkamaṇā nikkhanto tassa hanusaddaṃ sutvā cintesi “addhā maṃ lābhagiddho esa susāne vasatīti nītvā devarājā vihethetum āgato’’ti, so jaraggavassa purato añjalim paggahetvā “sappurisa devarāja ajja me ekarattim khama, sve patthāya na evaṃ karissāmī’’ti namassamāno sabbarattim yācanto atthāsi. Tato sūriye utthite taṃ disvā kattarayatthiyā paharitvā palāpesi “sabbarattim maṃ bhimsāpesi’’ti.

45. Kusītāti kosajjānugatā. **Hīnavīriyāti** hīnā vīriyena virahitā viyuttā, nibbīriyāti vuttaṃ hoti. Tattha kusītā kāyikavīriyārambhavirahitā honti, hīnavīriyā cetasikavīriyārambhavirahitā. Te ārammaṇavavatthānamattampi kātum na sakkonti. Tesam avavatthitārammaṇānanti sabbaṃ pubbasadisameva.

46. Muṭṭhassatīti naṭṭhassatī. **Asampajānāti** paññārahitā, imassa ca paṭipakkhe “upaṭṭhitassatīhamasmī’’ti vacanato satibhājanīyamevetam. Paññā panettha satidubbalyadīpanattham vuttā. Duvidhā hi sati paññāsampayuttā paññāvippayuttā ca. Tattha paññāsampayuttā balavatī, vippayuttā dubbalā, tasmā yadāpi tesam sati hoti, tadāpi asampajānantā muṭṭhassatīyeva te, dubbalāya satiyā satikiccābhāvatoti etamattham dīpetum “asampajānā’’ti vuttaṃ. Te evaṃ muṭṭhassatī asampajānā ārammaṇavavatthānamattampi kātum na sakkontīti sabbaṃ pubbasadisameva.

47. **Asamāhitāti** upacārappanāsamādhivirahitā. **Vibbhantacittāti** ubbhantacittā. Samādhivirahena laddhokāsenā uddhaccena tesam samādhivirahānaṃ cittaṃ nānārammaṇesu paribbhamati, vanamakkato viya vanasākhāsu uddhaccena ekārammaṇe vipphandati. Pubbe vuttanayenena te evaṃ asamāhitā vibbhantacittā ārammaṇavavatthānamattampi kātuṃ na sakkontīti sabbam pubbasadisameva.

48. **Duppaññāti** nippaññānametaṃ adhivacanaṃ. Paññā pana duṭṭhā nāma natthi. **Elamūgāti** elamukhā, kha-kārassa ga-kāro kato. Lālamukhāti vuttaṃ hoti. Duppaññānaṃhi kathentānaṃ lālā mukhato galati, lālā ca elāti vuccati. Yathāha “passelamūgaṃ uragaṃ dujjivha”nti. Tasmā te “elamūgā”ti vuccanti. “Elamukhā”tipi pāṭho. “Elamugā”ti keci paṭhanti, apare “elamukā”tipi, sabbattha “elamukhā”ti attho. Te kathaṃ bhayabheravaṃ avhāyanti? Te duppaññā elamūgā ārammaṇavavatthānamattampi kātuṃ na sakkonti. Tesam avavatthitārammaṇānaṃ araññe viharantānaṃ divā ditṭhaṃ rattim bhayabheravaṃ hutvā upaṭṭhāti “te ākulacittā appamattakenapi tasanti vittasanti, rajjuṃ vā lataṃ vā disvā sappasaññino honti, khāṇuṃ disvā yakkhasaññino, thalaṃ vā pabbataṃ vā disvā hatthisaññino sappādīhi anayavyasanaṃ āpādītā viya hontī”ti. Evaṃ taṃ bhayabheravaṃ attani samāropanaṭṭhena avhāyanti pakkosanti. **Paññāsampanno**hamasmīti ettha **paññāsampannoti** paññāya sampanno samannāgato, no ca kho vipassanāpaññāya, na maggapaññāya, apica kho pana imesu soḷasasu ṭhānesu ārammaṇavavatthānapaññāyāti attho. Sesam sabbattha vuttanayamevāti.

Vacīkammantavārādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Soḷasaṭṭhānārammaṇapariggaho niṭṭhito.

Bhayabheravasenāsanādivaṇṇanā

49. **Tassa mayhanti** ko anusandhi? Bodhisatto kira imāni soḷasārammaṇāni pariggaṇhanto ca bhayabheravaṃ adisvā bhayabheravaṃ nāma evarūpāsu rattīsu evarūpe senāsane ca paññāyati, handa naṃ tatthāpi gavesissāmīti bhayabheravagavesanamakāsi, etamatthaṃ bhagavā idāni brāhmaṇassa dassento **tassa mayhanti**ādīmāha.

Tattha **yā tāti** ubhayametam rattīnaṃyeva uddesaniddesavacanaṃ. **Abhiññātāti** ettha **abhīti** lakkhaṇatthe upasaggo. Tasmā abhiññātāti candapāripūriyā candaparikkhayenāti evamādīhi lakkhaṇehi ñātāti veditabbā. **Abhilakkhitāti** ettha upasaggamattameva, tasmā abhilakkhitāti lakkhaṇīyā icceva

attho, uposathasamādānadhammassavanapūjāsakkārādikaraṇattham lakkhetabbā sallakkhetabbā upalakkhetabbāti vuttaṃ hoti.

Cātuddasīti pakkhassa paṭhamadivasato pabhuti catuddasannaṃ pūraṇī ekā ratti. Evaṃ **pañcadasī aṭṭhamī** ca. **Pakkhassā**ti sukkapakkhassa kaṇhapakkhassa ca. Etā tisso tisso katvā cha rattiyo, tasmā sabbattha pakkhavacanaṃ yojetabbam “pakkhassa cātuddasī pakkhassa pañcadasī pakkhassa aṭṭhamī”ti. Atha pañcamī kasmā na gahitāti? Asabbakālikattā. Buddhē kira bhagavati anuppannepi uppajjitvā aparinibbutepi pañcamī anabhilakkhitāyeva, parinibbutē pana dhammasaṅgāhakattherā cintesuṃ “dhammassavanaṃ cirena hotī”ti. Tato sammannitvā pañcamīti dhammassavanadivasam ṭhapesuṃ, tato pabhuti sā abhilakkhitā jātā, evaṃ asabbakālikattā ettha na gahitāti.

Tathārūpāsūti tathāvidhāsu. **Ārāmacetiyanī**ti pupphārāmaphalārāmādayo ārāmā eva ārāmacetiyanī. Cittīkatatthena hi **ctiyanī**ti vuccanti, pūjanīyatthenāti vuttaṃ hoti. **Vanacetiyanī**ti baliharaṇavanasaṅdasubhagavanadevasālavanādīni vanāniyeva vanacetiyanī. **Rukkhacetiyanī**ti gāmanigamādidvāresu pūjanīyarukkhāyeva rukkhacetiyanī. Lokiyā hi dibbādhivatthāti vā maññamānā tesuyeva vā dibbasaññino hutvā ārāmavanarukkhe cittīkaronti, pūjenti, tena te sabbepi **ctiyanī**ti vuccanti. **Bhimsanakānī**ti bhayajanakāni, passatopi suṇatopi bhayaṃ janenti. **Salomahaṃsānī**ti saheva lomahaṃsena vattanti, pavisamānasseva lomahaṃsajanāto. **Appēva nāma passeyyanti** api nāma taṃ bhayabheravaṃ passeyyameva. **Apparena samayenāti**, “etadahosi yaṃnūnāha”nti evaṃ cintitakālato paṭṭhāya aññena kālena.

Tattha ca me brāhmaṇa viharatoti tathārūpesu senāsanesu yaṃ yaṃ manussānaṃ āyācanaupahāraṇārāhaṃ yakkhatṭhānaṃ pupphadhūpamaṃsaruhiravasāmedapihakapapphāsasurāmerayādīhi okiṇṇakilinnadharaṇitalaṃ ekanipātaṃ viya yakkharakkhasapisācānaṃ, yaṃ divāpi passantānaṃ hadayaṃ maññe phalati, taṃ ṭhānaṃ sandhāyāha “tattha ca me, brāhmaṇa, viharato”ti. **Mago vā āgacchatī**ti siṅgāni vā khurāni vā koṭṭento gokaṇṇakhaggadīpivarāhādibhedo mago vā āgacchati, sabbacatuppadānañhi idha **magoti** nāmaṃ. Katthaci pana kāḷasiṅgālopi vuccati. Yathāha –

“Usabhasseva te khandho, sīhasseva vijambhitam;

Magarāja namo tyatthu, api kiñci labhāmase”ti. (jā. 1.3.133);

Moro vā kaṭṭham pātetīti moro vā sukkhakaṭṭham rukkhato cāletvā pātetī. Moraggahaṇena ca idha sabbapakkhiggahaṇaṃ adhippetam, tena yo koci pakkhīti vuttaṃ hoti. Atha vā moro vāti vā saddena añño vā koci pakkhīti. Esa nayo purime magaggahaṇepi. **Vāto vā paṇṇakasaṭam eretī**ti vāto vā paṇṇakacavaraṃ ghattēti.

Etam nūna tam bhayabheravaṃ āgacchatīti yametam āgacchati, tam bhayabheravaṃ nūnāti. Ito pabhuti ca ārammaṇameva bhayabheravanti veditabbaṃ. Parittassa ca adhimattassa ca bhayassa ārammaṇattā sukhārammaṇaṃ rūpaṃ sukhamiva. **Kiṃ nu kho ahaṃ aññadatthu bhayapaṭikaṅkhī viharāmīti** ahaṃ kho kiṃ kāraṇaṃ ekamseneva bhayaṃ ākaṅkhamāno icchamāno hutvā viharāmi.

Yathābhūtaṃ yathābhūtassāti yena yena iriyāpathena bhūtassa bhavitassa sato vattamānassa samaṅgībhūtassa vā. **Meti** mama santike. **Tathābhūtaṃ tathābhūto** vāti tena teneva iriyāpathena bhūto bhavito santo vattamāno samaṅgībhūto vāti attho. **So kho ahaṃ...pe... paṭivinemīti** bodhisattassa kira caṅkamantassa tasmim magasiṅgakhurasaddādibhede bhayabheravārammaṇe āgate neva mahāsatto tiṭṭhati, na nisīdati na sayati, atha kho caṅkamantova parivīmaṃsanto parivicinanto bhayabheravaṃ na passati, magasiṅgakhurasaddādimattameva cetam hoti, so tam ñatvā idaṃ nāmetam, na bhayabheravanti tato tiṭṭhati vā nisīdati vā sayati vā. Etamatthaṃ dassento “so kho aha”ntiādīmāha. Esa nayo sabbapeyyālesu. Ito paraṅca iriyāpathapaṭipāṭiyā avatvā āsannaṭipāṭiyā iriyāpathā vuttāti veditabbā, caṅkamantassa hi bhayabherave āgate na ṭhito na nisinno na nipanno ṭhitassāpi āgate na caṅkamīti evaṃ tassa āsannaṭipāṭiyā vuttāti.

Bhayabheravasenāsanādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Asammohavīhāraṇṇanā

50. Evaṃ bhimsanakesupi ṭhānesu attano bhayabheravābhāvaṃ dassetvā idāni jhāyīnaṃ sammohaṭṭhānesu attano asammohavīhāraṃ dassetuṃ **santi kho pana, brāhmaṇātiādīmāha.**

Tattha **santīti** atthi saṃvijjanti upalabbhanti. **Rattiṃyeva samānanti** rattiṃyeva santam, **divāti sañjānantīti** “divaso aya”nti sañjānanti. **Divāyeva samānanti** divasaṃyeva santam. **Rattīti sañjānantīti** “ratti aya”nti sañjānanti. Kasmā panete evaṃsaññino hontīti. Vuṭṭhānakosallābhāvato vā sakuṇarutato vā. Kathaṃ? Idhekacco odātakasiṅgalābhī divā parikammaṃ katvā divā samāpanno divāyeva vuṭṭhahāmīti manasikāraṃ uppādeti, no ca kho addhānaparicchede kusalo hoti. So divasaṃ atikkamitvā rattibhāge vuṭṭhāti. Odātakasiṅgapharaṇavasena cassa visadaṃ hoti vibhūtaṃ suvibhūtaṃ. So, divā vuṭṭhahāmīti uppāditamanasikāratāya odātakasiṅgapharaṇavisadavibhūtatāya ca rattiyeva samānaṃ divāti sañjānāti. Idha panekacco nīlakasiṅgalābhī rattim parikammaṃ katvā rattim samāpanno rattiyeva vuṭṭhahāmīti manasikāraṃ uppādeti, no ca kho addhānaparicchede kusalo hoti. So rattim atikkamitvā divasabhāge vuṭṭhāti. Nīlakasiṅgapharaṇavasena cassa avisadaṃ

hoti avibhūtaṃ. So rattim vuṭṭhahāmīti uppāditamanasikāratāya nīlakasiṇapharaṇāvisadāvibhūtatāya ca divāyeva samānaṃ rattīti sañjānāti. Evaṃ tāva vuṭṭhānakosallābhāvato evaṃsaññino honti.

Sakuṇarutato pana idhekacco antosenāsane nisinno hoti. Atha divā ravanakasakuṇā kākādayo candālokena divāti maññamānā rattim ravanti, aññehi vā kāraṇehi. So tesam saddaṃ sutvā rattimyeva samānaṃ divāti sañjānāti. Idha panekacco pabbatantare gambhīrāya ghanavanappaṭicchannāya giriguhāya sattāhavaddalikāya vattamānāya antarahitasūriyāloke kāle nisinno hoti. Atha rattim ravanakasakuṇā ulūkādayo majjhanhikasamayepi tattha tattha samandhakāre nilīnā rattisaññāya vā aññehi vā kāraṇehi ravanti. So tesam saddaṃ sutvā divāyeva samānaṃ rattīti sañjānāti. Evaṃ sakuṇarutato evaṃsaññino hontīti. **Idamahanti idam ahaṃ evaṃ sañjānanaṃ. Sammohavihārasmiṃ vadāmīti sammohavihārapariyāpannaṃ antogadhaṃ, sammohavihārānaṃ aññataraṃ vadāmīti vuttaṃ hoti.**

Ahaṃ kho pana brāhmaṇa...pe... sañjānāmīti pākaṭo bodhisattassa rattindivaparicchedo sattāhavaddalepi candimasūriyesu adissamānesupi jānātiyeva “ettakaṃ purebhattakālo gato, ettakaṃ pacchābhattakālo, ettakaṃ paṭhamayāmo, ettakaṃ majjhimayāmo, ettakaṃ pacchimayāmo”ti, tasmā evamāha. Anacchariyañcetaṃ yaṃ pūritapāramī bodhisatto evaṃ jānāti. Padesañāṇe ṭhitānaṃ sāvakānampi hi rattindivaparicchedo pākaṭo hoti.

Kalyāṇiyamahāvihāre kira godattatthero dvaṅgulakāle bhattaṃ gahetvā aṅgulakāle bhujjati. Sūriye adissamānepi pātoyeva senāsaṇaṃ pavisitvā tāya velāya nikkhamati. Ekadivasam āramikā “sve therassa nikkhamanakāle passāmā”ti bhattaṃ sampādetvā kālatthambhamūle nisīdimsu. Thero dvaṅgulakāleyeva nikkhamati. Tato pabhuti kira sūriye adissamānepi therassa nikkhamansaññāya eva bherim ākoṭenti.

Ajagaravihārepi kāḷadevatthero antovasse yāmaṅḍikaṃ paharati, āciṇṇametaṃ therassa. Na ca yāmayantanālikam payojeti, aññe bhikkhū payojenti. Atha nikkhante paṭhame yāme there muggaraṃ gahetvā ṭhitamatteyeva ekaṃ dve vāre paharanteyeva vā yāmayantaṃ patati, evaṃ tīsu yāmesu samaṇadhammaṃ katvā thero pātoyeva gāmaṃ pavisitvā piṇḍapātaṃ ādāya vihāraṃ āgantvā bhojanavelāya pattaṃ gahetvā divā vihāraṭṭhānaṃ gantvā samaṇadhammaṃ karoti. Bhikkhū kālatthambhaṃ disvā therassa adisvā āgamanatthāya pesenti. So bhikkhu theram divā vihāraṭṭhānā nikkhamantameva vā antarāmagge vā passati. Evaṃ padesañāṇe ṭhitānaṃ sāvakānampi rattindivaparicchedo pākaṭo hoti, kimaṅgaṃ pana bodhisattānanti.

Yaṃ kho taṃ brāhmaṇa...pe... vadeyyāti ettha pana “yaṃ kho taṃ, brāhmaṇa, asammohadhammo satto loke uppanno...pe... sukhāya devamanussāna”nti vacanaṃ vadamāno koci sammā vadeyya, sammā vadamāno siyā, na vitathavādī assa. Mameva taṃ vacanaṃ vadamāno sammā vadeyya, sammā vadamāno siyā, na vitathavādī assāti evaṃ padasambandho veditabbo.

Tattha **asammohadhammoti** asammohasabhāvo. **Loketi** manussaloke. **Bahujanahitāyāti** bahujanassa hitatthāya, paññāsampattiyā ditṭhadhammikasamparāyikahitūpadesakoti. **Bahujanasukhāyāti** bahujanassa sukhatthāya, cāgasampattiyā upakaraṇasukhassa dāyakoti. **Lokānukampāyāti** lokassa anukampatthāya, mettākaruṇāsampattiyā mātāpitaro viya lokassa rakkhitā gopayitāti. **Atthāya hitāya sukhāya devamanussānanti** idha devamanussaggahaṇena ca bhābbapuggalaveneyyasatteyeva gahetvā tesam nibbānamaggaphalādhiḡamāya attano uppattim dassetīti veditabbo. **Atthāyāti** hi vutte paramatthatthāya nibbānāyāti vuttaṃ hoti. **Hitāyāti** vutte taṃ sampāpakamaggatthāyāti vuttaṃ hoti, nibbānasampāpakamaggato hi uttari hitaṃ nāma natthi. **Sukhāyāti** vutte phalasaṃpattisukhatthāyāti vuttaṃ hoti, tato uttari sukhābhāvato. Vuttañcetaṃ “ayaṃ samādhi paccuppannasukho ceva āyatiñca sukhavipāko”ti (dī. ni. 3.355; a. ni. 5.27; vibha. 804).

Asammohavihāraṇṇanā niṭṭhitā.

Pubbabhāgapaṭipadādivaṇṇanā

51. Evaṃ bhagavā buddhaguṇapaṭilābhāvasānaṃ attano asammohavihāraṃ brāhmaṇassa dassetvā idāni yāya paṭipadāya taṃ koṭippattaṃ asammohavihāraṃ adhiḡato, taṃ pubbabhāḡato pabhuti dassetuṃ **āraddhaṃ kho pana me brāhmaṇātiādimaḡa**.

Keci panāhu “imaṃ asammohavihāraṃ sutvā brāhmaṇassa cittamevaṃ uppannaṃ ‘kāya nu kho paṭipadāya imaṃ patto’ti, tassa cittamaññāya imāyāhaṃ paṭipadāya imaṃ uttamaṃ asammohavihāraṃ pattoti dassento evamaḡā”ti.

Tattha **āraddhaṃ kho pana me, brāhmaṇa, vīriyaṃ ahoṡīti**, brāhmaṇa, na mayā ayaṃ uttamo asammohavihāro kusītena muṭṭhassatinā sāraddhakāyena vikkhittacittena vā adhiḡato, apica kho tadadhiḡamāya āraddhaṃ kho pana me vīriyaṃ ahoṡi, bodhimaḡḡe nisinnena mayā caturaṅgavīriyaṃ āraddhaṃ ahoṡi, paggaḡitaṃ asithilappavattitanti vuttaṃ hoti. Āraddhattāyeva ca metaṃ **asallīnaṃ** ahoṡi.

Upaṭṭhitā sati asammūṭṭhāti na kevalañca vīriyameva, satipi me ārammaṇābhimukhībhāvena upaṭṭhitā ahoṣi. Upaṭṭhitattāyeva ca asammūṭṭhā. **Passaddho kāyoti** kāyacittappassaddhisambhavana kāyopi me passaddho ahoṣi. Tattha yasmā nāmakāye passaddhe rūpakāyopi passaddhoyeva hoti, tasmā nāmakāyo rūpakāyoti avisesetvāva passaddho kāyoti vuttaṃ. **Asāraddhoti** so ca kho passaddhattāyeva asāraddho, vigatadarathoti vuttaṃ hoti. **Samāhitam cittaṃ ekagganti** cittampi me sammā āhitam sutṭhu ṭhapitam appitam viya ahoṣi. Samāhitattā eva ca ekaggam acalam nipphandananti, ettāvata jhānassa pubbhāgapaṭipadā kathitā hoti.

Idāni imāya paṭipadāya adhigataṃ paṭhamajjhānaṃ ādim katvā vijjāttayapariyosānaṃ visesaṃ dassento **so kho ahanti** ādimāha. Tattha **vivicceva kāmehi...pe... catutthajjhānaṃ upasampajja vihāsinti** ettha tāva yaṃ vattabbaṃ siyā, taṃ sabbaṃ visuddhimagge pathavīkasiṇakathāyaṃ vuttaṃ. Kevalañhi tattha “upasampajja viharatī”ti āgataṃ, idha “vihāsi”nti, ayameva viseso. Kiṃ katvā pana bhagavā imāni jhānāni upasampajja vihāsīti, kammaṭṭhānaṃ bhāvetvā. Kataraṃ? Ānāpānassatikammaṭṭhānaṃ.

Imāni ca pana cattāri jhānāni kesañci cittekaggatathāni honti, kesañci vipassanāpādakāni, kesañci abhiññāpādakāni, kesañci nirodhapādakāni, kesañci bhavokkamanatthāni. Tattha khīṇāsavānaṃ cittekaggatathāni honti. Te hi samāpajjitvā ekaggacittā sukhaṃ divasaṃ viharissāmāti iccevaṃ kasiṇaparikkammaṃ katvā aṭṭha samāpattiyo nibbattenti. Sekkhaputhujjanānaṃ samāpattito vuṭṭhāya samāhitena cittaṃ vipassissāmāti nibbattentānaṃ vipassanāpādakāni honti. Ye pana aṭṭha samāpattiyo nibbattetvā abhiññāpādakajjhānaṃ samāpajjitvā samāpattito vuṭṭhāya “ekopi hutvā bahudhā hotī”ti (dī. ni. 1.238; paṭi. ma. 1.102) vuttanayā abhiññāyo patthentā nibbattenti, tesam abhiññāpādakāni honti. Ye pana aṭṭha samāpattiyo nibbattetvā nirodhasamāpattiṃ samāpajjitvā sattāhaṃ acittā hutvā ditṭheva dhamme nirodhaṃ nibbānaṃ patvā sukhaṃ viharissāmāti nibbattenti, tesam nirodhapādakāni honti. Ye pana aṭṭha samāpattiyo nibbattetvā aparihīnajjhānā brahmaloce uppajjissāmāti nibbattenti, tesam bhavokkamanatthāni honti.

Bhagavatā panidaṃ catutthajjhānaṃ bodhirukkhamūle nibbattitaṃ, taṃ tassa vipassanāpādakañceva ahoṣi abhiññāpādakañca sabbakiccasādhakañca, sabbalokiyalokuttaraṇadāyakaṃ veditabbaṃ.

Pubbabhāgapaṭipadādivaṇṇanā niṭṭhitā.

Pubbenivāsakathāvaṇṇanā

52. Yesañca guṇānaṃ dāyakam ahoṣi, tesam ekadesam dassento **so evaṃ samāhite cittetiādīmāha**. Tattha dvinnam vijjānam anupadavaṇṇanā ceva bhāvanānayo ca visuddhimagge vitthārito. Kevalañhi tattha “so evaṃ samāhite citte...pe... abhininnāmetī”ti vuttaṃ, idha “abhininnāmesi”nti. **Ayaṃ kho me brāhmaṇāti** ayañca appanāvāro tattha anāgatoti ayameva viseso. Tattha **soti** so ahaṃ. **Abhininnāmesinti** abhinīharim. Abhininnāmesinti ca vacanato **soti** ettha so ahanti evamattho veditabbo.

Yasmā cidam bhagavato vasena pubbenivāsānussatiñāṇam āgatam, tasmā “so tato cuto idhūpapanno”ti ettha evaṃ yojanā veditabbā. Ettha hi **so tato cutoti** paṭinivattantassa paccavekkhaṇam. Tasmā **idhūpapannoti** imissā idhūpapattiyā anantaram. **Amutra udapādinti** tusitabhavanam sandhāyāhāti veditabbo. **Tatrāpāsīm evaṃnāmoti** tatrāpi tusitabhavane setaketu nāma devaputto ahoṣim. **Evaṃgottoti** tāhi devatāhi saddhim ekagotto. **Evaṃvaṇṇoti** suvaṇṇavaṇṇo. **Evamāhāroti** dibbasudhāhāro. **Evaṃsukhadukkhappaṭisaṃvedīti** evam dibbasukhappaṭisaṃvedī. Dukkham pana saṅkhāradukkhamaṭṭameva. **Evamāyupariyantoti** evaṃ sattapaññāsavassakoṭisaṭṭhivassasatasahassāyupariyanto. **So tato cutoti** so ahaṃ tato tusitabhavanato cuto. **Idhūpapannoti** idha mahāmāyāya deviyā kucchimhi nibbatto.

Ayaṃ kho me brāhmaṇātiādīsu meti mayā. **Vijjāti** viditakaraṇaṭṭhena vijjā. Kim viditaṃ karoti? Pubbenivāsam. **Avijjāti** tasseva pubbenivāsassa aviditakaraṇaṭṭhena tappaṭicchādako moho vuccati. **Tamoti** sveva moho paṭicchādakaṭṭhena “tamo”ti vuccati. **Ālokoti** sāyeva vijjā obhāsakaraṇaṭṭhena “āloko”ti vuccati. Ettha ca vijjā adhigatāti ayaṃ attho, sesam pasamsāvacaṇam. Yojanā panettha ayaṃ kho me vijjā adhigatā, tassa me adhigatavijjassa avijjā vihatā, vinaṭṭhāti attho. Kasmā? Yasmā vijjā uppannā. Esa nayo itarasmimpi padadvaye.

Yathā tanti ettha **yathāti** opamme. **Tanti** nipāto. Satiyā avippavāsena **appamattassa**. Vīriyātāpena **ātāpino**. Kāye ca jīvite ca anapekkhatāya **pahitattassa**, pesitattassāti attho. Idaṃ vuttaṃ hoti “yathā appamattassa ātāpino pahitattassa viharato avijjā vihaññeyya, vijjā uppajjeyya. Tamo vihaññeyya, āloko uppajjeyya. Evameva mama avijjā vihatā, vijjā uppannā. Tamo vihatō, āloko uppanno. Etassa me padhānānuyogassa anurūpameva phalaṃ laddha”nti.

Pubbenivāsakathāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Dibbacakkhuñāṇakathāvaṇṇanā

53. Cutūpapātakathāyaṃ yasmā idha bhagavato vasena pāli āgatā, tasmā “passāmi pajānāmī”ti vuttaṃ, ayaṃ viseso. Sesam visuddhimagge vuttasadisameva.

Ettha pana vijjāti dibbacakkhuñāṇavijjā. Avijjāti sattānaṃ cutipaṭisandhipaṭicchādikā avijjā. Sesam vuttanayamevāti. Yasmā ca pūritapāramīnaṃ mahāsattānaṃ parikammakiccaṃ nāma natthi. Te hi citte abhininnāmitamatteyeva anekavihitam pubbenivāsam anussaranti, dibbena cakkhunā satte passanti. Tasmā yo tattha parikammam ādim katvā bhāvanānayo vutto, na tena idha atthoti.

Dibbacakkhuñāṇakathāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Āsavakkhayañāṇakathāvaṇṇanā

54. Tatiyavijjāya so evaṃ samāhite citteti vipassanāpādakaṃ catutthajjhānacittam veditabbaṃ. Āsavānaṃ khayañāṇayāti arahattamaggañāṇatthāya. Arahattamaggo hi āsavavināsanato āsavānaṃ khayoti vuccati, tatra cetam ñāṇam, tappariyāpannattāti. Cittaṃ abhininnāmesinti vipassanācittam abhinīharim. So idaṃ dukkhanti evamādīsu “ettakaṃ dukkham, na ito bhiyyo”ti sabbampi dukkhasaccaṃ sarasalakkaṇapaṭivedhena yathābhūtam abbaññāsiṃ jāniṃ paṭivijjhim. Tassa ca dukkhassa nibbattikaṃ taṇhaṃ ayaṃ dukkhasamudayoti. Tadubhayampi yaṃ thānaṃ patvā nirujjhati, taṃ tesam appavattiṃ nibbānaṃ ayaṃ dukkhanirodhoti. Tassa sampāpakaṃ ariyamaggaṃ ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadāti sarasalakkaṇapaṭivedhena yathābhūtam abbaññāsiṃ jāniṃ paṭivijjhinti evamattho veditabbo.

Evaṃ sarūpato saccāni dassetvā idāni kilesavasena pariyāyato dassento ime āsavātiādīmāha. Tassa me evaṃ jānato evaṃ passatoti tassa mayham evaṃ jānantassa evaṃ passantassa. Saha vipassanāya koṭippattaṃ maggaṃ katheti. Kāmāsavāti kāmāsavato. Vimuccitthāti iminā phalakkhaṇam dasseti, maggakkhaṇe hi cittaṃ vimuccati, phalakkhaṇe vimuttaṃ hoti. Vimuttasmiṃ vimuttamiti ñāṇanti iminā paccavekkhaṇañāṇam dasseti. Khīṇā jāṭītiādīhi tassa bhūmiṃ, tena hi ñāṇena bhagavā paccavekkhanto “khīṇā jāṭī”tiādīni abbaññāsi. Katamā pana bhagavato jāṭī khīṇā, kathaṅca naṃ abbaññāsīti? Na tāvassa atītā jāṭī khīṇā, pubbeva khīṇattā, na anāgatā, anāgate vāyāmābhāvato, na paccuppannā, vijjamānattā. Yā pana maggassa abhāvitattā uppajjeyya ekacatupañcavokārabhavesu

ekacatupañcakkhandhabhedā jāti, sā maggassa bhāvitattā anuppādadharmatām āpajjanena khīṇā, taṃ so maggabhāvanāya pahīnakilese paccavekkhitvā “kilesābhāve vijjamānampi kammaṃ āyatim appaṭisandhikam hotī”ti jānanto abbhaññāsi.

Vusitanti vuttham parivuttham, katham caritam niṭṭhanti attho. **Brahmacariyanti** maggabrahmacariyam, puthujjanakalyāṇakena hi saddhim sattasekkhā brahmacariyavāsam vasanti nāma, khīṇāsavo vutthavāso. Tasmā bhagavā attano brahmacariyavāsam paccavekkhanto “vusitam brahmacariya”nti abbhaññāsi. **Katham karaṇīyanti** catūsu saccesu catūhi maggehi pariññāpahānasacchikiriyābhāvanāvasena soḷasavidhampi kiccam niṭṭhāpitanti attho. Puthujjanakalyāṇakādayo hi taṃ kiccam karonti, khīṇāsavo katakaraṇīyo. Tasmā bhagavā attano karaṇīyam paccavekkhanto “katham karaṇīya”nti abbhaññāsi.

Nāparam itthattāyāti idāni puna itthabhāvāya evaṃsoḷasakiccabhāvāya, kilesakkhayāya vā maggabhāvanākiccam me natthīti abbhaññāsi. Atha vā **itthattāyāti** itthabhāvato imasmā evampakārā idāni vattamānakkhandhasantānā aparam khandhasantānam mayham natthi. Ime pana pañcakkhandhā pariññātā tiṭṭhanti chinnamūlakā rukkhā viya. Te carimakaviññānanirodhena anupādāno viya jātavedo nibbāyissantīti abbhaññāsi.

Idāni evaṃ paccavekkhāṇāṇapariggahitam āsavānam khayañāṇādhigamam brāhmaṇassa dassento, **ayam kho me brāhmaṇāti**ādīmāha. Tattha **vijjāti** arahattamaggañāṇavijjā. **Avijjāti** catusaccapaṭicchādikā avijjā. Sesam vuttanayameva. Ettāvata ca pubbenivāsañāṇena atītaṃsañāṇam, dibbacakkhunā paccuppannānāgatamsañāṇam, āsavakkhayena sakalalokiyalokuttaraguṇanti evam tīhi vijjāhi sabbepe sabbaññuguṇe saṅgahetvā pakāsento attano asammohavihāram brāhmaṇassa dassesi.

Āsavakkhayañāṇakathāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Araññavāsakāraṇavaṇṇanā

55. Evaṃ vutte kira brāhmaṇo cintesi – “samaṇo gotamo sabbaññutam paṭijānāti, ajjāpi ca araññavāsam na vijahati, atthi nu khvassa aññampi kiñci karaṇīya”nti. Athassa bhagavā ajjhāsayaṃ veditvā iminā ajjhāsayaṇusandhinā, **siyā kho pana teti**ādīmāha. Tattha **siyā kho pana te, brāhmaṇa, evamassāti**, brāhmaṇa, kadāci tuyham evam bhaveyya. **Na kho panetaṃ brāhmaṇa evam datṭhabbanti** etaṃ kho pana, brāhmaṇa, tayā mayham pantasenāsanapaṭisevanam

avītarāgāditāyāti evaṃ na daṭṭhabbaṃ. Evaṃ pantasenāsanapaṭisevane akāraṇaṃ paṭikkhipitvā kāraṇaṃ dassento **dve kho ahanti**ādīmāha. Tattha atthoyeva atthavaso. Tasmā **dve kho ahaṃ, brāhmaṇa, atthavaseti** ahaṃ kho, brāhmaṇa, dve atthe dve kāraṇāni sampassamānoti vuttaṃ hoti. **Attano ca diṭṭhadhammasukhavihāranti** ettha **diṭṭhadhammo** nāma ayaṃ paccakkho attabhāvo. **Sukhavihāro** nāma catunnampī iriyāpathavihārānaṃ phāsutā, ekakassa hi araṇṇe antamaso uccārapassāvakkiccam upādāya sabbeva iriyāpathā phāsukā honti, tasmā diṭṭhadhammassa sukhavihāranti ayamatto veditabbo. **Pacchimañca janataṃ anukampamānoti** kathaṃ araṇṇāvāsena pacchimā janatā anukampitā hoti? Saddhāpabbajitā hi kulaputtā bhagavato araṇṇāvāsaṃ disvā bhagavāpī nāma araṇṇāsenāsanāni na muñcati, yassa nevatti pariṇṇātabbaṃ na pahātabbaṃ na bhāvetabbaṃ na sacchikātabbaṃ, kimaṅgaṃ pana mayanti cintetvā tattha vasitabbameva maññissanti. Evaṃ khippameva dukkhassantakarā bhavissanti. Evaṃ pacchimā janatā anukampitā hoti. Etamatthaṃ dassento āha “pacchimañca janataṃ anukampamāno”’ti.

Araṇṇāvāsakāraṇavaṇṇanā niṭṭhitā.

Desanānumodanāvaṇṇanā

56. Taṃ sutvā attamano brāhmaṇo **anukampitarūpāti**ādīmāha. Tattha **anukampitarūpāti** anukampitajātikā anukampitasabhāvā. **Janatāti** janasamūho. **Yathā taṃ arahatā sammāsambuddhenāti** yathā arahaṃ sammāsambuddho anukampeyya, tatheva anukampitarūpāti.

Evañca pana vatvā puna taṃ bhagavato dhammadesanaṃ abbhanumodamāno bhagavantaṃ etadavoca **abhikkantaṃ, bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotamāti**. Tatthāyaṃ abhikkantasaddo khayasundarābhirūpaabbhanumodanesu dissati. “Abhikkantā, bhante, ratti, nikkhanto paṭhamo yāmo, ciranisinno bhikkhusaṅgho”’tiādīsu (cūḷava. 383; a. ni. 8.20) hi khaye dissati. “Ayaṃ imesaṃ catunnaṃ puggalānaṃ abhikkantataro ca paṇītataro cā”’tiādīsu (a. ni. 4.100) sundare.

“Ko me vandati pādāni, iddhiyā yasasā jalaṃ;

Abhikkantena vaṇṇena, sabbā obhāsayaṃ disā”’ti. –

Ādīsu (vi. va. 857) abhirūpe. “Abhikkantaṃ, bhante”’tiādīsu (dī. ni. 1.250; pārā. 15) abbhanumodane. Idhāpī abbhanumodaneyeva. Yasmā ca abbhanumodane, tasmā sādhu sādhu bho, gotamāti vuttaṃ hotīti veditabbaṃ.

“Bhaye kodhe pasamsāyaṃ, turite kotūhalacchare;

Hāse soke pasāde ca, kare āmeḍitaṃ budho”’ti. –

Iminā ca lakkhaṇena idha pasādavasena pasamsāvasena cāyaṃ dvikkhattuṃ vuttoti veditabbo. Atha vā **abhikkantanti** abhikantaṃ. Atiitthaṃ atimanāpaṃ, atisundaranti vuttaṃ hoti.

Tattha ekena abhikkantasaddena desanaṃ thometi, ekena attano pasādaṃ. Ayañhettha adhippāyo – abhikkantaṃ, bho gotama, yadidaṃ bhoto gotamassa dhammadesanā, abhikkantaṃ yadidaṃ bhoto gotamassa dhammadesanaṃ āgamma mama pasādoti. Bhagavatoyeva vā vacanaṃ dve dve atthe sandhāya thometi – bhoto gotamassa vacanaṃ abhikkantaṃ dosanāsanato, abhikkantaṃ guṇādhigamanato, tathā saddhājananato, paññājananato, sātthato, sabyañjanato, uttānapadato, gambhīratthato, kaṇṇasukhato, hadayaṅgamato, anattukkaṃsanato, aparavambhanato, karuṇāsīlato, paññāvadātato, āpātharamaṇīyato, vimaddakkhamato, suyyamānasukhato, vīmaṃsīyamānahitatoti evamādīhi yojetabbaṃ.

Tato parampi catūhi upamāhi desanaṃyeva thometi. Tattha **nikkujjanti** adhomukhaṭhapitaṃ, heṭṭhāmukhajātaṃ vā. **Ukkujjeyyāti** upari mukhaṃ kareyya. **Paṭicchannanti** tiṇapaṇṇādicchāditaṃ. **Vivareyyāti** ugghāṭeyya. **Mūlhassāti** disāmūlhassa. **Maggam ācikkheyyāti** hatthe gahetvā “esa maggo”ti vadeyya. **Andhakāreti** kālapakkhacātuddasīaḍḍharattaghanavanasanḍameghapaṭalehi caturāṅge tame, ayaṃ tāva anuttānapadattho.

Ayaṃ pana adhippāyayojanā – yathā koci nikkujjitaṃ ukkujjeyya, evaṃ saddhammavimukhaṃ asaddhamme patitaṃ maṃ asaddhammā vuṭṭhāpentena, yathā paṭicchannaṃ vivareyya. Evaṃ kassapassa bhagavato sāsanaantaradhānato pabhuti micchādittigahanapaṭicchannaṃ sāsanaṃ vivarantena, yathā mūlhassa maggaṃ ācikkheyya, evaṃ kummaggamicchāmaggappaṭipannassa me saggamokkhamaggaṃ ācikkhantena, yathā andhakāre telapajjotaṃ dhāreyya, evaṃ mohandhakāre nimuggassa me buddhādiratanarūpāni apassato tappaṭicchādakamohandhakāraviddhamsakadesanāpajjotadhāraṇena mayhaṃ bhotā gotamena etehi pariyāyehi pakāsītattā anekapariyāyena dhammo pakāsītoti.

Desanānumodanāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Pasannākāraṇaṇā

Evaṃ desanaṃ thometvā imāya desanāya ratanattayapasannacitto pasannākāraṃ karonto **esāhanti**ādīmāha. Tattha **esāhanti** eso ahaṃ. **Bhavantaṃ gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmīti** bhavaṃ me gotamo saraṇaṃ parāyaṇaṃ, aghassa tātā, hitassa ca vidhātāti iminā adhippāyena bhavantaṃ gotamaṃ gacchāmi,

bhajāmi, sevāmi, payirupāsāmi, evaṃ vā jānāmi, bujjhāmīti. Yesañhi dhātūnaṃ gatiattho, buddhipi tesam attho. Tasmā gacchāmīti imassa jānāmi, bujjhāmīti ayamattho vutto. **Dhammañca bhikkhusaṅghañcāti** ettha pana adhigatamagge sacchikatanirodhe yathānusiṭṭhaṃ paṭipajjamāne ca apāyesu apatamāne dhāretīti **dhammo**, so atthato ariyamaggo ceva nibbānañca. Vuttañhetam – “yāvata, bhikkhave, dhammā saṅkhatā, ariyo aṭṭhaṅgiko maggo tesam aggamakkhāyati”’ti (a. ni. 4.34) vitthāro. Na kevalañca ariyamaggo ceva nibbānañca, apica kho ariyaphalehi saddhiṃ pariyattidhammopi. Vuttañhetam chattamāṇavakavimāne –

“Rāgavirāgamanejamasokaṃ, dhammamasāṅkhatamappaṭikūlaṃ;

Madhuramimaṃ paguṇaṃ suvibhattaṃ, dhammamimaṃ saraṇatthamupehī”’ti. (vi. va. 887);

Ettha **rāgavirāgoti** maggo kathito. **Anejamasokanti** phalaṃ. **Dhammamasāṅkhatanti** nibbānaṃ. **Appaṭikūlaṃ madhuramimaṃ paguṇaṃ suvibhattanti** piṭakattayena vibhattā sabbadhammakkhandhāti. Diṭṭhisīlasaṅghātena saṃhatoti **saṅgho**, so atthato aṭṭha ariyapuggalasamūho. Vuttañhetam tasmimyeva vimāne.

“Yattha ca dinnamahapphalamāhu, catūsu sucīsu purisayugesu;

Aṭṭha ca puggala dhammasā te, saṅghamimaṃ saraṇatthamupehī”’ti. (vi. va. 888);

Bhikkhūnaṃ saṅgho **bhikkhusaṅgho**. Ettāvata brāhmaṇo tīṇi saraṇagamanāni paṭivedesi.

Pasannākāraṇaṇā niṭṭhitā.

Saraṇagamanakathāvaṇṇanā

Idāni tesu saraṇagamanesu kosallatthaṃ saraṇaṃ, saraṇagamanam. Yo ca saraṇaṃ gacchati, saraṇagamanappabhedo, saraṇagamanassa phalaṃ, saṃkilesa, bhedoti ayaṃ vidhi veditabbo. Seyyathidaṃ – padatthato tāva hiṃsatīti **saraṇaṃ**, saraṇagātānaṃ teneva saraṇagamanena bhayaṃ santāsaṃ dukkhaṃ duggatiparikilesaṃ hanati vināsetīti attho, ratanattayassevetam adhivacanaṃ.

Atha vā hite pavattanena ahitā ca nivattanena sattānaṃ bhayaṃ hiṃsati buddho. Bhavakantārā uttāraṇena assāsādānena ca dhammo. Appakānampi kārānaṃ vipulaphalapaṭilābhakaraṇena saṅgho. Tasmā imināpi pariyāyena ratanattayaṃ saraṇaṃ. Tappasādataggarutāhi vihatakilesa tapparāyaṇatākārappavatto cittuppādo saraṇagamanam. Taṃsamaṅgisatto saraṇaṃ gacchati, vuttappakārena cittuppādena etāni me tīṇi saraṇāni saraṇaṃ, etāni parāyaṇanti evaṃ upetīti attho. Evaṃ tāva **saraṇaṃ saraṇagamanam yo ca saraṇaṃ gacchatīti** idaṃ tayaṃ veditabbaṃ.

Saraṇagamanappabhede pana duvidhaṃ saraṇagamaṇaṃ lokuttaraṃ lokiyaṇca. Tattha lokuttaraṃ diṭṭhasaccānaṃ maggakkhaṇe saraṇagamanupakkilesasamucchena ārammaṇato nibbānārammaṇaṃ hutvā kiccato sakalepi ratanattaye ijjhati. Lokiyaṃ puthujjanānaṃ saraṇagamanupakkilesavikkhambhanaena ārammaṇato buddhādiguṇārammaṇaṃ hutvā ijjhati, taṃ atthato buddhādīsu vatthūsu saddhāpaṭilābho, saddhāmūlikā ca sammādiṭṭhi dasasu puññakiriyavatthūsu diṭṭhijukammanti vuccati.

Tayidaṃ catudhā pavattati attasanniyyātanena tapparāyaṇatāya sissabhāvūpagamaṇena paṇipātenāti. Tattha **attasanniyyātaṇaṃ** nāma “ajja ādiṃ katvā ahaṃ attānaṃ buddhassa niyyātemi, dhammassa, saṅghassā”ti evaṃ buddhādīnaṃ attapariccajanaṃ. **Tapparāyaṇatā** nāma “ajja ādiṃ katvā ahaṃ buddhaparāyaṇo, dhammaparāyaṇo, saṅghaparāyaṇo iti maṃ dhārethā”ti evaṃ tapparāyaṇabhāvo. **Sissabhāvūpagamaṇaṃ** nāma “ajja ādiṃ katvā ahaṃ buddhassa antevāsiko, dhammassa, saṅghassāti maṃ dhārethā”ti evaṃ sissabhāvūpagamo. **Paṇipāto** nāma “ajja ādiṃ katvā ahaṃ abhivādanapaccuṭṭhānaañjalikammasāmīcikammaṃ buddhādīnaṃyeva tiṇṇaṃ vatthūnaṃ karomi, iti maṃ dhārethā”ti evaṃ buddhādīsu paramanipaccakāro. Imesañhi catunnaṃ ākārānaṃ aññatarampi karontena gahitaṃyeva hoti saraṇagamaṇaṃ.

Apica bhagavato attānaṃ pariccajāmi, dhammassa, saṅghassa attānaṃ pariccajāmi. Jīvitaṃ pariccajāmi, pariccattoyeva me attā, pariccattaṃyeva me jīvitaṃ, jīvitapariyantikaṃ buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi, buddho me saraṇaṃ leṇaṃ tāṇanti evampi attasanniyyātaṇaṃ veditabbaṃ. “Satthāraṇca vatāhaṃ passeyyaṃ bhagavantameva passeyyaṃ, sugataṇca vatāhaṃ passeyyaṃ bhagavantameva passeyyaṃ, sammāsambuddhaṇca vatāhaṃ passeyyaṃ bhagavantameva passeyya”nti (saṃ. ni. 2.154) evampi mahākassapassa saraṇagamaṇaṃ viya sissabhāvūpagamaṇaṃ daṭṭhabbaṃ.

“So ahaṃ vicarissāmi, gāmā gāmaṃ purā puram;

Namassamāno sambuddhaṃ, dhammassa ca sudhammata”nti. (su. ni. 194; saṃ. ni. 1.246) –

Evampi ālavakādīnaṃ saraṇagamaṇaṃ viya tapparāyaṇatā veditabbā. “Atha kho brahmāyu brāhmaṇo utṭhāyāsanaṃ ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati, paṇīhi ca parisambāhati, nāmaṇca sāveti brahmāyu ahaṃ, bho gotama, brāhmaṇo, brahmāyu ahaṃ, bho gotama, brāhmaṇo”ti (ma. ni. 2.394) evampi paṇipāto daṭṭhabbo.

So panesa ñātibhayācariyadakkhiṇeyyavasena catubbidho hoti. Tattha dakkhiṇeyyapaṇipātena saraṇagamaṇaṃ hoti, na itarehi. Setṭhavaseneva hi saraṇaṃ

gayhati, seṭṭhavasena bhijjati, tasmā yo sākiyo vā koliyo vā “buddho amhākaṃ ñātako”ti vandati, aggahitameva hoti saraṇaṃ. Yo vā “samaṇo gotamo rājapūjito mahānubhāvo, avandiyamāno anattampi kareyyā”ti bhayena vandati, aggahitameva hoti saraṇaṃ. Yo vā bodhisattakāle bhagavato santike kiñci uggahitaṃ saramāno buddhakāle vā –

“Ekena bhoge bhuñjeyya, dvīhi kammaṃ payojaye;

Catutthañca nidhāpeyya, āpadāsu bhavissatī”ti. (dī. ni. 3.265) –

Evarūpaṃ anusāsaṇiṃ uggahetvā “ācariyo me”ti vandati, aggahitameva hoti saraṇaṃ. Yo pana “ayaṃ loke aggadakkhiṇeyyo”ti vandati, teneva gahitaṃ hoti saraṇaṃ.

Evam gahitasaraṇassa ca upāsakassa vā upāsikāya vā aññatitthiyesu pabbajitampi ñātiṃ “ñātako me aya”nti vandato saraṇagamaṇaṃ na bhijjati, pageva apabbajitaṃ. Tathā rājānaṃ bhayavasena vandato, so hi ratṭhapūjittā avandiyamāno anattampi kareyyāti. Tathā yaṃkiñci sippaṃ sikkhāpakam titthiyam “ācariyo me aya”nti vandatopi na bhijjatīti evaṃ saraṇagamaṇappabhedo veditabbo.

Ettha ca lokuttarassa saraṇagamaṇassa cattāri sāmāññaphalāni vipākaphalaṃ, sabbadukkhakkhaya ānisaṃsaphalaṃ. Vuttañhetam –

“Yo ca buddhañca dhammañca, saṅghañca saraṇaṃ gato;

Cattāri ariyasaccāni, sammappaññāya passati.

Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, dukkhassa ca atikkamaṃ;

Ariyañcaṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ, dukkhūpasamagāmiṇaṃ.

Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, etaṃ saraṇamuttamaṃ;

Etaṃ saraṇamāgamaṃ, sabbadukkhā pamuccati”ti. (dha. pa. 190-192);

Apica niccato anupagamaṇādivasena petassa ānisaṃsaphalaṃ veditabbaṃ. Vuttañhetam, “atṭhānametaṃ, bhikkhave, anavakāso, yaṃ diṭṭhisampanno puggalo kañci saṅkhāraṃ niccato upagaccheyya, sukhatō upagaccheyya, kañci dhammaṃ attato upagaccheyya, mātaraṃ jīvitā voropeyya, pitaraṃ arahantaṃ jīvitā voropeyya, duṭṭhacitto tathāgatassa lohitaṃ uppādeyya, saṅghaṃ bhindeyya, aññaṃ satthāraṃ uddiseyya, netam ṭhānaṃ vijjatī”ti (ma. ni. 3.128; a. ni. 1.268-276).

Lokiyassa pana saraṇagamaṇassa bhavasampadāpi bhogasampadāpi phalameva. Vuttañhetam –

“Yekeci buddhaṃ saraṇaṃ gatāse,

Na te gamissantī apāyabhūmiṃ;

Pahāya mānusaṃ dehaṃ,

Devakāyaṃ paripūressantī”ti. (saṃ. ni. 1.37);

Aparampi vuttam “atha kho sakko devānamindo asītiyā devatāsahashehi saddhiṃ yenāyasmā mahāmogallāno, tenupasaṅkami...pe... ekamantaṃ ʘhitam kho sakkaṃ devānamindaṃ āyasmā mahāmogallāno etadavoca ‘sādhu kho devānaminda buddhaṃ saraṇagamaṇaṃ hoti, buddhaṃ saraṇagamaṇaṃ hoti kho devānaminda evamidhekacce sattā kāyassa bhedaṃ paraṃ maraṇā sugatiṃ saggam lokam upapajanti’ ti. Te aññe deve dasahi ʘhānehi adhigaṇhanti dibbena āyunā dibbena vaṇṇena sukkena yasena ādhipateyyena dibbehi rūpehi saddehi gandhehi rasehi phoṭṭhabbehī’ ti (saṃ. ni. 4.341). Esa nayo dhamme saṅghe ca. Apica velāmasuttādivasenāpi (a. ni. 9.20) saraṇagamaṇassa phalaviseso veditabbo. Evaṃ saraṇagamaṇaphalaṃ veditabbaṃ.

Tattha lokiyasaraṇagamaṇaṃ tīsu vatthūsu aññāṇasaṃsayamicchāññāṇādīhi saṃkilissati, na mahājutikaṃ hoti, na mahāvippaṇaṃ. Lokuttarassa natthi saṃkilesa. Lokiyassa ca saraṇagamaṇassa duvidha bhedaṃ sāvajjo anavajjo ca. Tattha sāvajjo aññasatthārādīsū attasanniyyātanādīhi hoti, so anīṭṭhaphalo. Anavajjo kālaṃ kiriyāya, so avipākattā aphalo. Lokuttarassa pana nevatthi bhedaṃ. Bhavantarepi hi ariyasāvako aññasatthāraṃ na uddisatīti evaṃ saraṇagamaṇassa saṃkilesa ca bhedaṃ ca veditabboti. **Upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretūti** maṃ bhavaṃ gotamo “upāsako aya” nti evaṃ dhāretu, jānātūti attho.

Saraṇagamaṇakathāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Upāsakavidhikathāvaṇṇanā

Upāsakavidhikosallatthaṃ panettha ko upāsako, kasmā upāsakoti vuccati, kimassa sīlaṃ, ko ājīvo, kā vipatti, kā sampattīti idaṃ pakiṇṇakaṃ veditabbaṃ.

Tattha **ko upāsakoti** yo koci tisaraṇagato gahaṭṭho. Vuttañhetam – “yato kho mahānāma upāsako buddhaṃ saraṇaṃ gato hoti, dhammaṃ saraṇaṃ gato hoti, saṅghaṃ saraṇaṃ gato hoti. Ettāvatā kho mahānāma upāsako hoti” ti (saṃ. ni. 5.1033).

Kasmā upāsakoti ratanattayassa upāsanato. So hi buddhaṃ upāsātīti upāsako. Dhammaṃ, saṅghaṃ upāsātīti upāsako.

Kimassa sīlanti pañca veramaṇiyo. Yathāha “yato kho mahānāma upāsako paṇātipātā paṭivirato hoti adinnādānā, kāmesu micchācārā, musāvādā, surāmerayamajjapamādaṭṭhānā paṭivirato hoti. Ettāvatā kho mahānāma upāsako sīlavā hoti” ti (saṃ. ni. 5.1033).

Ko ājīvoti pañca micchāvaṇijjā pahāya dhammena samena jīvitakappanaṃ. Vuttañhetam “pañcimā, bhikkhave, vaṇijjā upāsakena akaraṇīyā. Katamā pañca? Sattavaṇijjā, sattavaṇijjā, maṃsavaṇijjā, majjavaṇijjā, visavaṇijjā. Imā kho, bhikkhave, pañca vaṇijjā upāsakena akaraṇīyā”ti (a. ni. 5.177).

Kā vipattīti yā tasseva sīlassa ca ājīvassa ca vipatti, ayamassa vipatti. Apica yāya esa caṇḍālo ceva hoti malañca patikuttḥo ca. Sāpissa vipattīti veditabbā. Te ca atthato assaddhiyādayo pañca dhammā honti. Yathāha “pañcahi, bhikkhave, dhammehi samannāgato upāsako upāsakacaṇḍālo ca hoti upāsakamalañca upāsakapatikuttḥo ca. Katamehi pañcahi? Assaddho hoti, dussīlo hoti, kotūhalamaṅgaliko hoti, maṅgalaṃ pacceti no kammaṃ, ito ca bahiddhā dakkhiṇeyyaṃ pariyesati tattha ca pubbakāraṃ karotī”ti (a. ni. 5.175).

Kā sampattīti yā cassa sīlasampadā ca ājīvasampadā ca, sā sampatti. Ye cassa ratanabhāvādīkarā saddhādayo pañca dhammā. Yathāha “pañcahi, bhikkhave, dhammehi samannāgato upāsako upāsakarātanañca hoti upāsakapadumañca upāsakapuṇḍarīkañca. Katamehi pañcahi? Saddho hoti, sīlavā hoti, na kotūhalamaṅgaliko hoti, kammaṃ pacceti no maṅgalaṃ, na ito bahiddhā dakkhiṇeyyaṃ gavesati, idha ca pubbakāraṃ karotī”ti (a. ni. 5.175).

Ajjetaggeti ettha ayaṃ aggasaddo ādikoṭikoṭṭhāsassetṭhesu dissati. “Ajjetagge, samma dovārika, āvarāmi dvāraṃ nigaṇṭhānaṃ nigaṇṭhīna”ntiādīsu (ma. ni. 2.70) hi ādimhi dissati. “Teneva aṅgulaggena taṃ aṅgulaggam parāmaseyya, (kathā. 441) ucchaggam veḷagga”ntiādīsu koṭiyam. “Ambilaggam vā madhuraggam vā tittakaggam vā (saṃ. ni. 5.374), anujānāmi, bhikkhave, vihāraggena vā parivenaggena vā bhājetu”ntiādīsu (cūḷava. 318) koṭṭhāse. “Yāvatā, bhikkhave, sattā apadā vā...pe... tathāgato tesam aggamakkhāyatī”tiādīsu (a. ni. 4.34) setṭhe. Idha paṇāyam ādimhi daṭṭhabbo. Tasmā **ajjetaggeti** ajjetaṃ ādim katvā, evamettha attho veditabbo. **Ajjetanti** ajjabhāvam. Ajjetaggeti vā pāṭho, da-kāro padasandhikaro, ajja aggam katvāti attho.

Pāṇupetanti pāṇehi upetaṃ, yāva me jīvitam pavattati, tāva upetaṃ. Anaññasatthukam tīhi saraṇagamanehi saraṇam gataṃ upāsakam kappiyakārakam maṃ bhavam gotamo dhāretu jānātu. Ahañhi sacepi me tikhiṇena asinā sīsam chindeyya, neva buddham “na buddho”ti vā dhammam “na dhammo”ti vā, saṅgham “na saṅgho”ti vā vadeyyanti. Evaṃ attasanniyyātanena saraṇam gantvā catūhi ca paccayehi pavāretvā utṭhāyāsanaṃ bhagavantaṃ abhivādetvā tikkhattum padakkhiṇam katvā pakkāmīti.

Upāsakavidhikathāvaṇṇanā niṭṭhitā.

Papañcasūdanīyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Bhayabheravasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.